

Số: 952 /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia
được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý
và sử dụng theo quy định**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ kết quả rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 419/TTr-STC ngày 16/6/2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đầu tư công năm 2024;
- Luật ngân sách Nhà nước năm 2025;
- Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách của các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026;
- Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh về việc chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 đối với một số khoản kinh phí để tiếp tục theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định;
- Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp được chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện thuộc Chương MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm b khoản 2 Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026, trường hợp việc sử dụng ngân sách của từng

chương trình mục tiêu quốc gia làm thay đổi dự toán đã được HĐND cấp tỉnh quyết định thì UBND cấp tỉnh phải trình HĐND cùng cấp quyết định phương án sử dụng số ngân sách của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 được hoàn trả hoặc điều chỉnh để tiếp tục sử dụng theo quy định.

Qua rà soát, việc phân bổ chi tiết nguồn vốn, kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 trên địa bàn tỉnh làm thay đổi phương án phân bổ dự toán đã được HĐND tỉnh Gia Lai và HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quyết định trong giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh đó, một số nguồn vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 không còn nhu cầu sử dụng theo mục tiêu, nhiệm vụ đã được giao, cần được bố trí lại để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Vì vậy, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về phân bổ lại nguồn vốn, kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định là cần thiết, bảo đảm đúng thẩm quyền và cơ sở pháp lý.

II. NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

- Bảo đảm việc phân bổ, quản lý và sử dụng vốn, kinh phí đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, phạm vi và cơ cấu nguồn vốn của từng chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn, kinh phí đã được chuyển nguồn sang năm 2026 nhưng không còn nhiệm vụ chi hoặc đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn trả ngân sách tỉnh để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, dự án, công trình còn dở dang, chưa hoàn thành, có nhu cầu bổ sung vốn nhằm hoàn thành các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với phần vốn, kinh phí còn lại không còn nhiệm vụ chi hoặc có nhiệm vụ chi nhưng không còn khả năng thực hiện, thực hiện phân bổ để triển khai các nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Đối với vốn, kinh phí các xã, đơn vị đã thực hiện thủ tục chuyển nguồn sang năm 2026 nhưng hiện không còn nhiệm vụ chi, đề nghị điều chỉnh sang đơn vị khác có nhu cầu sử dụng

a) Đối với vốn đầu tư:

- **Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:** Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chuyển nguồn sang năm 2026 của các dự án đã hết nhiệm vụ

chi ở các xã: Chư A Thai, Ia Tul, Đak Đoa, Kbang, Kông Bơ La, Ia Sao, Phú Thiện, An Lão với số tiền: **6.633.450.724 đồng**.

Đề xuất ưu tiên bổ sung cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình, còn thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành tại các xã: Cừu An, Phù Mỹ Bắc, Ân Tường và Kim Sơn: **6.223.335.724 đồng**; còn lại **410.115.000 đồng** chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:** Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chuyển nguồn sang năm 2026 của các dự án đã hết nhiệm vụ chi của Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, xã Đak Song và xã An Lão với số tiền: **6.755.097.175 đồng**.

Đề xuất ưu tiên bổ sung cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình, còn thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành tại các xã An Vinh và An Hòa: **1.107.665.175 đồng**; còn lại **5.647.432.000 đồng** chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi:** Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chuyển nguồn sang năm 2026 dự án đã hết nhiệm vụ chi của xã An Lão với số tiền: **92.194.000 đồng**. Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các dự án dở dang, đề xuất chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

b) Kinh phí sự nghiệp:

- **Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:** Tổng kinh phí các đơn vị, địa phương đã thực hiện chuyển nguồn sang 2026, nhưng đã hết nhu cầu sử dụng đề nghị chuyển sang đơn vị khác có nhu cầu: **3.101.788.959 đồng**.

Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các nội dung, nhiệm vụ khác còn dở dang của chương trình, đề xuất chuyển toàn bộ kinh phí này sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 và phân bổ chi tiết theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6552/SNNMT-NTM ngày 16/6/2026.

- **Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:** Tổng kinh phí các đơn vị, địa phương đã thực hiện chuyển nguồn sang 2026, nhưng đã hết nhu cầu sử dụng, đề nghị chuyển sang đơn vị khác có nhu cầu: **763.976.218 đồng**.

Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các nội dung, nhiệm vụ khác còn dở dang của chương trình, đề xuất chuyển toàn bộ kinh phí này sang thực hiện

các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 và phân bổ chi tiết theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6552/SNNMT-NTM ngày 16/6/2026.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

2. Đối với vốn, kinh phí các đơn vị, địa phương đã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh

a) Đối với vốn đầu tư:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng vốn chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là **43.181.983.268 đồng**. Trên cơ sở rà soát nhu cầu thực tế, UBND tỉnh đề xuất phân bổ lại như sau:

+ Ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình, còn thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành tại các xã Vạn Đức, Hoài Ân, Tây Sơn, Ngô Mỹ, để thanh toán khối lượng hoàn thành: 5.001.969.000 đồng.

+ Kế hoạch vốn còn lại 38.180.014.268 đồng, chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng vốn chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là **9.860.218.250 đồng**. Trên cơ sở rà soát nhu cầu thực tế, UBND tỉnh đề xuất phân bổ lại như sau:

+ Ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình ở xã An Hòa, để thanh toán khối lượng hoàn thành: 430.000.000 đồng.

+ Kế hoạch vốn còn lại: 9.430.218.250 đồng, chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng vốn chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là 8.437.306.832 đồng. UBND tỉnh đề xuất ưu tiên phân bổ lại toàn bộ số vốn nêu trên cho các dự án dở dang cùng chương trình tại các xã Chư A Thai và Ia Krêl để thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

b) Kinh phí sự nghiệp:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là **23.675.978.570 đồng**.

Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các nội dung, nhiệm vụ khác còn dở dang của chương trình, đề xuất chuyển toàn bộ kinh phí này sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 và phân bổ chi tiết theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 5750/SNNMT-PTNT ngày 29/5/2026 (*phân bổ chi tiết theo Phụ lục 05*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là **47.142.148.457 đồng**.

Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các nội dung, nhiệm vụ khác còn dở dang của chương trình, đề xuất chuyển toàn bộ kinh phí này sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 và phân bổ chi tiết theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 5750/SNNMT-PTNT ngày 29/5/2026 (*phân bổ chi tiết theo Phụ lục 05*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi:

Theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh, tổng kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 tiếp tục quản lý, theo dõi và sử dụng của chương trình là **123.850.351.417 đồng** (gồm vốn Trung ương: 115.060.530.676 đồng, ngân sách tỉnh: 8.789.820.741 đồng). Trong tổng số kinh phí chuyển nguồn nêu trên, UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương tại Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 với số tiền 80.187.966.158 đồng. Như vậy, kinh phí sự nghiệp còn lại chưa phân bổ chi tiết là **43.662.385.259 đồng** (gồm vốn Trung ương: 38.517.625.484 đồng, ngân sách tỉnh: 5.144.759.775 đồng).

Qua rà soát hiện không còn nhu cầu bố trí cho các nội dung, nhiệm vụ khác còn dở dang của chương trình, UBND tỉnh đề xuất chuyển toàn bộ kinh phí này sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (*phân bổ chi tiết theo Phụ lục 04*).

3. Dựa trên cơ sở kết quả rà soát tại mục 1, mục 2 nêu trên, tổng vốn, kinh phí của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã chuyển nguồn

sang năm 2026 hiện không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, đề xuất sử dụng để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: **172.086.250.981 đồng**, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 65.367.896.797 đồng (gồm vốn Trung ương: 50.920.808.832 đồng; vốn ngân sách tỉnh: 14.447.087.965 đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 62.963.774.925 đồng (gồm vốn Trung ương: 32.400.214.205 đồng; vốn ngân sách tỉnh: 30.563.560.720 đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi: 43.754.579.259 đồng (gồm vốn Trung ương: 38.517.625.484 đồng; vốn ngân sách tỉnh: 5.236.953.775 đồng).

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại mục (2), điểm b, khoản 1 Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026, UBND tỉnh đề xuất sử dụng toàn bộ số vốn, kinh phí nêu trên để phân bổ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030, theo thứ tự ưu tiên:

(i) Tiếp tục bố trí cho các dự án thuộc đối tượng của chương trình chuyển tiếp từ giai đoạn trước chuyển sang, để thanh toán khối lượng hoàn thành, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản;

(ii) Bố trí lại vốn, kinh phí cho các xã bị giảm kế hoạch vốn, kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 do hoàn trả ngân sách hoặc điều chuyển vốn sang đơn vị khác nhằm bảo đảm mục tiêu giải ngân;

(iii) Ưu tiên các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn khó khăn, có nhu cầu cấp thiết về hạ tầng và sinh kế.

(Chi tiết theo Phụ lục 04 và Phụ lục 05)

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

(Đính kèm Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định)

V. THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng

dụng theo quy định sẽ trình vào Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5), HĐND tỉnh Gia Lai khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031; dự kiến tổ chức trong tháng 7/2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định, UBND tỉnh kính HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT Dương Mah Tiệp;
- Các Sở: TC, NNMT, DTTG;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.

[Signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp

Phụ lục 01:

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
DO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN CHUYỂN NGUỒN SANG 2026 NHƯNG HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	0	0	0	0					
I	Danh mục giảm vốn	0	-3.000.000.000	-168.868.724	-3.464.582.000	0	0	0	0	
1	Xã Chư A Thai	0	0	-138.976.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Đường giao thông nội đồng thôn Plei Lôk, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)	0	0	-54.682.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường giao thông nông thôn thôn Plei Tằng, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)	0	0	-16.114.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường giao thông thôn Đoàn Kết (Xã Ayun Hạ cũ)	0	0	-24.891.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 03									
	Nội dung 02									
	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp hữu cơ Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)	0	0	-42.865.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh cho HTX nông sản an toàn Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)	0	0	-424.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	Xã Ia Tul	0	0	-26.227.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Đường bê tông xi măng nội đồng thôn Ơi H’Trong xã Chư Mố (Từ rẫy ông Rmah Lợi đi đường Đức Long)	0	0	-5.508.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường cấp phối nội đồng thôn Ơi H’Briu – xã Chư Mố tuyến 1 (Từ rẫy Ông Nay Giáo đến rẫy Rahlan Tri)	0	0	-7.091.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường cấp phối nội đồng thôn Ama Lim – xã Chư Mố (Từ rẫy Ksor Khiêm đến đường Đức Long)	0	0	-3.085.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Đường cấp phối nội đồng thôn Oi H'Briu – xã Chư Mố tuyến 2 (Từ rẫy Ksor Wat đến khu Tơ Nul)	0	0	-5.848.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 02									
	Hệ thống nắp mương công trình mương thoát nước thôn Ama Đá, xã Chư mố (Từ nhà Oi H'Nha đến suối Chrôh Tơ Nung, Từ nhà Ama Trang đến nhà Yă Đê)	0	0	-3.662.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Mương chống ngập úng nội thôn A Ma Đá - xã Chư Mố tuyến 1 (từ Y tế xã đến hộ ông Mùi)	0	0	-1.033.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
3	Xã Đak Đoa	0	0	0	-912.240.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường liên xã Tân Bình KDang đi Kon Gang	0	0	0	-149.251.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 03									
	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn qua địa bàn thị trấn Đak Đoa xã Tân Bình xã Kdang; L=16 8km)	0	0	0	-762.989.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
4	Xã Kbang	0	0	-55.724	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 02									
	Thủy lợi Lơ Vi			-55.724		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
5	Xã Kông Bơ La	0	0	-3.610.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Đường từ làng Kuao qua ngầm Ba Lục	0	0	-1.928.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 05									
	Nhà văn hóa thôn 1, xã Nghĩa An	0	0	-841.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nhà văn hóa thôn 2, xã Nghĩa An	0	0	-841.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
6	Xã Ia Sao	0	-3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Nội dung 05									
	Nhà văn hóa xã Ia Rtô	0	-3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
7	Xã Phú Thiện	0	0	0	-2.142.227.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 03									
	Điện chiếu sáng công lộ trên địa bàn huyện Phú Thiện	0	0	0	-2.142.227.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
8	Xã An Lão	0	0	0	-410.115.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Đường Gò đồn - Cây Hào				-80.237.000	0	0	0	0	
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Thuận hòa (nhà ông Năm đến khu di tích Chính Nghĩa)				-26.129.000	0	0	0	0	
	Đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư các thôn 1, thôn 3				-65.772.000	0	0	0	0	
	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu giãn dân thôn 1, thôn 4				-45.311.000	0	0	0	0	
	Đường BT GTNT đoạn từ Hợp tác xã đến nhà ông Kỳ				-37.736.000	0	0	0	0	
	Đường bê tông giao thông từ đường 5B – Nghĩa địa thôn Thanh Sơn				-154.930.000	0	0	0	0	
II	Danh mục tăng vốn	0	3.000.000.000	168.868.724	3.464.582.000	0	3.000.000.000	168.868.724	3.464.582.000	
1	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành	0	3.000.000.000	168.868.724	3.054.467.000	0	3.000.000.000	168.868.724	3.054.467.000	
1.1	Xã Cửu An	0	0	0	178.749.000	0	0	0	178.749.000	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Đường từ trường TH&THCS Đỗ Trạc (cơ sở 2) đến giáp đường tránh phía bắc thị xã An Khê				178.749.000	0	0	0	178.749.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.2	Xã Phù Mỹ Bắc	0	18.000.000	168.868.724	715.964.276	0	18.000.000	168.868.724	715.964.276	
	Nội dung thành phần số 02									
	Nội dung 01									
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Thời thôn Vĩnh Thuận đến nhà ông Hồng Cửu Thành			150.000.000	12.748.000	0	0	150.000.000	12.748.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Sang đến nhà ông Thanh thôn An Bảo			18.868.724	171.216.276	0	0	18.868.724	171.216.276	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 05									

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Nhà văn hóa thôn An Bảo		18.000.000		282.000.000	0	18.000.000	0	282.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lộc				250.000.000	0	0	0	250.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.3	<i>Xã Ân Tường</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>2.159.753.724</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>2.159.753.724</i>	
	Nội dung thành phần số 02									
	<i>Nội dung 01</i>									
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông số 2 (thôn Liên Hội)				1.552.315.724	0	0	0	1.552.315.724	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung thành phần số 06									
	<i>Nội dung 01</i>									
	Xây dựng điểm vui chơi, thể thao trẻ em và người cao tuổi				607.438.000	0	0	0	607.438.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.4	<i>Xã Kim Sơn</i>	<i>0</i>	<i>2.982.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>2.982.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Nội dung thành phần số 02									
	<i>Nội dung 01</i>									
	Tuyến BTXM dốc bà Tín đến Đài tưởng niệm liệt sỹ Gò Mít xóm N		800.000.000			0	800.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	<i>Nội dung 06</i>									
	Xây dựng mới chợ Kim Sơn		2.000.000.000			0	2.000.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	<i>Nội dung 11</i>									
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà ông Trần Cu đến cổng qua đường ĐT630		182.000.000			0	182.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	<i>Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030</i>				410.115.000	0	0	0	410.115.000	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	0	0	0	0					
I	Danh mục giảm vốn	-2.421.781.000	-1.929.199.000	-1.023.543.182	-1.380.573.993	0	60.000.000	0	50.000.000	
1	<i>Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai</i>	<i>0</i>	<i>-86.676.000</i>	<i>0</i>	<i>-773.008.993</i>	<i>0</i>	<i>60.000.000</i>	<i>0</i>	<i>50.000.000</i>	
	Dự án 4									
	<i>Tiểu dự án 1</i>									
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định				-773.008.993	0	0	0	50.000.000	Hết nhiệm vụ chi

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng học thực hành thuộc khối nhà 4 tầng, bể an toàn sinh học, các hạng mục phụ trợ khác Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Sân bê tông thoát nước Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo		-86.676.000			0	60.000.000	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	<u>Xã Đak Song</u>	0	0	-247.980.182	0	0	0	0	0	
	Dự án 1									
	Tiêu dự án 1									
	Đường nội đồng làng Tbung	0	0	-84.823.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Trường TH và THCS Cao Bá Quát	0	0	-163.157.182	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
3	<u>Xã An Lão</u>	-2.421.781.000	-1.842.523.000	-775.563.000	-607.565.000	0	0	0	0	
	Dự án 1									
	Tiêu dự án 1									
	Trường THCS An Tân; Hạng mục: Xây dựng Nhà đa năng			-547.927.000	-406.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Kênh mương xã An Hưng năm 2025				-201.565.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Kiên cố hóa kênh mương 2023-2025	-120.024.000	-230.000.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Cầu Sông Đinh	-1.748.246.000	-1.243.770.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão (Giai đoạn 2)	-87.717.000	-176.992.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Trường mầm non An Tân		-99.561.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	KCK kênh mương thị trấn An Lão (Đồng 5%, đồng Bà Đồng, Đồng Hưng Nhơn, Đồng Vồ		-92.200.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Đường từ thôn 2 thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân	-253.775.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Hưng	-212.019.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế thị trấn An Lão, huyện An Lão			-227.636.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
II	Danh mục tăng vốn	2.421.781.000	1.929.199.000	1.023.543.182	1.380.573.993	2.421.781.000	1.929.199.000	1.023.543.182	1.380.573.993	
1	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành	0	86.676.000	247.980.182	773.008.993	0	86.676.000	247.980.182	773.008.993	
1.1	Xã An Hòa	0	86.676.000	217.177.000	460.234.175	0	86.676.000	217.177.000	460.234.175	
	Dự án 1									
	Tiểu dự án 1									
	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn 2			38.692.000		0	0	38.692.000	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa khắc phục kênh mương do ảnh hưởng mưa bão năm 2025			178.485.000		0	0	178.485.000	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Trường Tiểu học số 2 An Hòa, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học bộ môn		86.676.000		460.234.175	0	86.676.000	0	460.234.175	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.2	Xã An Vinh	0	0	30.803.182	312.774.818	0	0	30.803.182	312.774.818	
	Dự án 1									
	Tiểu dự án 1									
	Đường BTNT từ Hồ Đèo Cạnh đến Đồng Trưa			30.803.182	50.420.818	0	0	30.803.182	50.420.818	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT làng Đồng Loi (Thôn 6 xã An Trung)				11.080.000	0	0	0	11.080.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường BTNT từ nhà Thọ đất ông Dũng				183.149.000	0	0	0	183.149.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Đồng Phê (thôn 5) qua thôn 8, xã An Trung				68.125.000	0	0	0	68.125.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Bổ trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	2.421.781.000	1.842.523.000	775.563.000	607.565.000	2.421.781.000	1.842.523.000	775.563.000	607.565.000	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
C	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0	0	0	0					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Danh mục giảm vốn	0	-92.194.000	0	0	0	0	0	0	
1	Xã An Lão	0	-92.194.000	0	0	0	0	0	0	
	Dự án 4									
	Tiểu dự án 1									
	KCK kênh mương thị trấn An Lão (Đồng 5%, đồng Bà Đông, Đồng Hưng Nhơn, Đồng Vố		-92.194.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
II	Danh mục tăng vốn	0	92.194.000	0	0	0	92.194.000	0	0	
1	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030		92.194.000			0	92.194.000	0	0	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.



Phu lục 02:

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
ĐO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN CHUYỂN NGUỒN SANG 2026 NHƯNG HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kinh phí giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm		Kinh phí giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	0	0	0	0					
1	Danh mục giảm vốn	-132.209.000	-16.000	-2.736.997.959	-232.566.000	0	0	0	0	
1.2	Xã Đề Gi	0	-16.000	0	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02: Kinh phí thực hiện phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (Mã CTMT: 20492, mã DP 024)		-16.000							Hết nhiệm vụ chi
1.3	Xã An Vinh	0	0	0	-43.566.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn				-43.566.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.4	Sở Nội vụ	0	0	-50.000.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới			-50.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.5	Sở Công Thương	0	0	-24.200.000	0	0	0	0	0	
	- Nội dung 01 - NDTP số 11. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng			-24.200.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.2	Xã Ia Tul	-132.209.000	0	-22.466.000	0	0	0	0	0	
	ND Thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện XD NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống KT-XH NT gắn với quá trình đô thị hóa năm 2025			-128.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.									
	Sửa chữa, nâng cấp đường BTXM Bôn Biah A, xã Ia Tul (Tuyến 1: đoạn từ nghĩa địa Bôn Biah A (Bôn Blanh cũ) đi vào thôn; Tuyến 2: đoạn từ nhà Rơ ô H'Đẹp đến cuối đường)			-5.448.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Trường Mầm Non Họa Mi, xã Ia Tul			-16.890.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

	NDTP số 02-ND09: Phát triển , hoàn thiện hệ thống CS, chuyển đổi số trong NNNT năm 2024	-20.000.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 03-ND2: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các liên kết mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu năm 2024	-100.000.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh -sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam năm 2025	-22.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.									
	NDTP số 11- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng	-9.187.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 11 - Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM năm 2024	-3.000.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.4	Xã Chư Pưh	0	0	-331.959	0	0	0	0	0	
	Thành phần số 7									
	Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải			-39.959		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Thành phần số 1									
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn)			-292.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.5	Xã Biển Hồ	0	0	-2.640.000.000	-189.000.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở			-2.640.000.000	-189.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	Danh mục tăng vốn	132.209.000	16.000	2.736.997.959	232.566.000	132.209.000	16.000	2.736.997.959	232.566.000	
2.1	Bổ trí các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	132.209.000	16.000	2.736.997.959	232.566.000	132.209.000	16.000	2.736.997.959	232.566.000	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 05
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	0	0	0	0					
1	Danh mục giảm vốn	-67.470.552	-11.075.386	-572.173.280	-93.257.000	0	15.136.000	362.013.000	65.000.000	
1.1	Phường Quy Nhơn Đông	0	-1.864.000	-195.731.000	0	0	15.136.000	175.013.000	0	
	Dự án 3									
	Tiểu dự án 1									
	Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực Nông nghiệp		-1.864.000			0	15.136.000	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 4									
	Tiểu dự án 1									
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			-195.731.000		0	0	175.013.000	0	Hết nhiệm vụ chi
1.3	Xã Đê Gi	-752	-7.261.000	-241.922.280	0	0	0	0	0	

	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình									
	Dự án 7- TDA 1: Nâng cao năng lực thực hiện CT năm 2024	-27.500.000	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi	
	Dự án 7- TDA2: Giám sát, đánh giá năm 2024	-9.100.000	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi	
1.9	Xã Biển Hồ	0	0	-7.620.000	0	0	0	0		
	Kinh phí thực hiện Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			-2.879.000		0	0	0	Hết nhiệm vụ chi	
	Kinh phí thực hiện Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng									
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		0	-4.741.000		0	0	0	Hết nhiệm vụ chi	
1.10	Xã Cửu An	0	0	-88.000.000	0	0	0	37.000.000	0	
	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững									
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình									
	Tập huấn giảm nghèo bền vững			-44.000.000		0	0	23.000.000	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá									
	Tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo		0	-44.000.000		0	0	14.000.000	0	Hết nhiệm vụ chi
1.11	Xã Ya Hôi	0	0			0	0	150.000.000	15.000.000	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững									
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		0			0	0	150.000.000	15.000.000	Hết nhiệm vụ chi
1.12	Xã Ia Rbol	0	0	-6.800.000	0	0	0	0	0	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình									
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			-6.800.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	Danh mục tăng vốn	67.470.552	11.075.386	572.173.280	93.257.000	67.470.552	11.075.386	572.173.280	93.257.000	
2.1	Bổ trí các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	67.470.552	11.075.386	572.173.280	93.257.000	67.470.552	11.075.386	572.173.280	93.257.000	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 05

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

[Signature]

Phu lục 03:

PHÂN BÒ LẠI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
DO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1910/QĐ-UBND NGÀY 29/4/2026 CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ														
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới												31.643.974.590	11.538.008.678	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												2.772.969.000	2.229.000.000	
1	Xã Vạn Đức						0	0	1.772.969.000	0	1.772.969.000	0	1.772.969.000	0	
	Nội dung thành phần số 02														
	Nội dung 01														
	Xây dựng mới cầu Cây Me- Vĩnh Đức	Ân Tín cũ		2023	802/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	3.900.000.000			985.000.000	0	985.000.000	0	985.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 05														
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động xã	Ân Thạnh cũ		2024	129/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	1.191.402.000			324.899.000	0	324.899.000	0	324.899.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa các nhà văn hóa thôn, thiết chế nhà văn hóa, các điểm công cộng	Ân Thạnh cũ		2024	128/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	1.176.094.000			410.365.000	0	410.365.000	0	410.365.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 11														
	Xây dựng bể thu gom, nhà lưu chứa chai lọ, bao gói thuốc BVTV	Ân Thạnh cũ		2024	207/QĐ-UBND ngày 21/08/2024	355.232.000			52.705.000	0	52.705.000	0	52.705.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Hoài Ân						1.183.000.000	0	1.000.000.000	0	2.183.000.000	0	1.000.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 02														
	Nội dung 01														
	Tuyến đường từ nhà Trung Lãnh đến thôn Phú Thuận	Thôn Phú Thuận, xã Hoài Ân		2024	QĐ 308/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024	4.384.394.000	#####		1.000.000.000	0	2.183.000.000	0	1.000.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Tây Sơn						1.614.000.000	2.311.887.000	0	1.329.000.000	1.614.000.000	3.640.887.000	0	1.329.000.000	
	Nội dung thành phần số 02														
	Nội dung 01														
	Nâng cấp chỉnh trang đường bộ KDC	Xã Tây Sơn		2024	576/QĐ-UBND 10/9/2024	682.000.000	303.000.000		0	200.000.000	303.000.000	200.000.000		200.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn (Đoạn từ Đình Văn Dê đến Đình Mết)	Xã Tây Sơn		2025	2090/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	1.734.000.000		1.420.000.000	0	132.000.000	0	1.552.000.000		132.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	BTXM đường giao thông khu vực Sở Nhíp và khu AB thôn Đồng Sim	Xã Tây Sơn		2023	QĐ 262/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	317.500.000		151.887.000	0	70.000.000	0	221.887.000		70.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn thôn Đồng sim	Xã Tây Sơn		2025	QĐ số 2516/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	517.944.000	309.000.000		0	97.000.000	309.000.000	97.000.000		97.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường từ nhà Văn Xuân Ánh đến ngã 3 Hợp tác xã nông nghiệp Bình Nghi 2	Xã Tây Sơn		2024	Số 552/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	772.000.000		340.000.000	0	135.000.000	0	475.000.000		135.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 02														

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Mương từ Ngõ Trọng đến rộc xóm Trung; HM: Kênh bê tông	Xã Tây Sơn		2024	606/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	957.000.000		200.000.000	0	268.000.000	0	468.000.000		268.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Từ Kênh mương Đại Đồng đến mương Gò Trầu; HM: Kênh bê tông	Xã Tây Sơn		2024	Số 816/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	982.000.000		200.000.000	0	93.000.000	0	293.000.000		93.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 05														
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 2	Xã Tây Sơn		2025	108/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	731.000.000	548.000.000		0	183.000.000	548.000.000	183.000.000		183.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 3, sân bê tông	Xã Tây Sơn		2025	109/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	605.000.000	454.000.000		0	151.000.000	454.000.000	151.000.000		151.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Ngõ Mây						489.400.000	0	0	900.000.000	489.400.000	900.000.000	0	900.000.000	
	Nội dung thành phần số 02														
	Nội dung 02														
	Kênh bê tông xi măng từ sông Giang - Kiến thiết	Thôn Chánh Hội	L= 258m	2024-2025	306/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND xã	1.021.014.000	220.000.000		0	500.000.000	220.000.000	500.000.000	0	500.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Kiến cổ hóa kênh mương . Tuyến từ khẩu ông Trung - đám Nghèo	Thôn Mỹ Bình	L= 372m	2025	660/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của UBND xã	1.186.000.000	269.400.000		0	400.000.000	269.400.000	400.000.000	0	400.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030												28.871.005.590	9.309.008.678	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững												1.304.287.273	8.555.930.977	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												430.000.000	0	
1	Xã An Hòa						1.500.000.000	749.910.175	430.000.000	0	1.930.000.000	749.910.175	430.000.000	0	
	Dự án 1														
	Tiểu dự án 1														
	Trường Tiểu học số 2 An Hòa, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học bộ môn	thôn Xuân Phong Bắc	ới quy mô 0	2025-2026	90/QĐ-STC ngày 12/3/2025	4.792.840.000	1.500.000.000	749.910.175	430.000.000	0	1.930.000.000	749.910.175	430.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030												874.287.273	8.555.930.977	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
C	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												13.544.970	8.423.761.862	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												13.544.970	8.423.761.862	
1.1	Xã Chư A Thai						0	8.132.727.000	0	0	0	8.132.727.000	13.544.970	5.438.761.862	
	Dự án 4														
	Tiểu dự án 1														
	Đầu tư nâng cấp đường GTNT thôn Plei Oi, xã Ayun Hạ	Thôn Plei Oi	Tổng chiề	2025-2026	1059a/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Chư A Thai	5.528.000.000		5.280.000.000			0	5.280.000.000		5.276.306.832	
	Dự án 6														
	Tu bổ, tôn tạo di tích Plei Oi, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Plei Oi)	Thôn Plei Oi	Diện tích :	2024-2025	1886/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Phú Thiện (cũ); Số 1003/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Chư A Thai	9.014.803.000		2.852.727.000			0	2.852.727.000	13.544.970	162.455.030	
1.2	Xã Ia Krêl						11.733.000.000	0	0	0	11.733.000.000	0	0	2.985.000.000	
	Dự án 2														
	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang	Làng Le 2	105 hộ	2023-2025	588/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	31.087.000.000	11.733.000.000				11.733.000.000	0		2.985.000.000	

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.



Phụ lục 04:

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (TỪ NGUỒN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh
	TỔNG SỐ								71.460.262.347	25.962.096.430	71.460.262.347	25.962.096.430	
A	Các dự án chuyển tiếp								50.504.205.620	12.518.151.283	50.504.205.620	12.518.151.283	
A1	Hợp phần thứ nhất												
I	Nội dung thành phần 02												
1	Nội dung 12												
1.1	Xã Krong								20.273.384.600	2.000.000.000	20.273.384.600	2.000.000.000	
	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Lãng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klếch thuộc xã Krong, huyện Kbang	Làng Tăng Lãng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klếch		2023-2025	23/QĐ- UBND ngày 14/3/2023	69.430.000.000			20.273.384.600	2.000.000.000	20.273.384.600	2.000.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.2	Xã Đak Somei								4.395.972.303	1.000.000.000	4.395.972.303	1.000.000.000	
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Hà Đông, huyện Đak Đoa	Xã Đak Somei		2024 - 2026	3112/QĐ- UBND ngày 03/12/2024; 538/QĐ-UBND ngày 09/12/2025;	25.807.000.000			4.395.972.303	1.000.000.000	4.395.972.303	1.000.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.3	Xã Ia Ly								2.336.848.717	1.018.151.283	2.336.848.717	1.018.151.283	
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Díp, xã Ia Krong	Làng Díp, xã Ia Ly		2023-2025	1143/QĐ- UBND ngày 07/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện Chư Păh	43.387.000.000			2.336.848.717	1.018.151.283	2.336.848.717	1.018.151.283	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.4	Xã Ia O								3.100.000.000	2.000.000.000	3.100.000.000	2.000.000.000	
	Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới xã Ia O	xã Ia O, tỉnh Gia Lai		2022-2025	175/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	45.087.000.000			3.100.000.000	2.000.000.000	3.100.000.000	2.000.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.5	Xã Ia Lâu								15.708.000.000	5.000.000.000	15.708.000.000	5.000.000.000	
	Dự án sắp xếp ổn định dân cư Làng Phung, Thôn Pior 1			2023-2025	Số 2246/QĐ- UBND ngày 25/9/2023	70.084.000.000			15.708.000.000	5.000.000.000	15.708.000.000	5.000.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.6	Xã Ia Krái								2.540.000.000	500.000.000	2.540.000.000	500.000.000	
	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Yom xã Ia Khai	Làng Yom, xã Ia Krái (Xã Ia Khai)		2023-2026	580/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	16.087.000.000			2.540.000.000	500.000.000	2.540.000.000	500.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.7	Xã Ia Pia								2.150.000.000	1.000.000.000	2.150.000.000	1.000.000.000	
	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư làng Hlang Ngol, làng Ó, làng Siu, làng Doách, xã Ia Vê	Xã Ia Vê (nay là xã Ia Pia)		2023-2025	2382/QĐUBND ngày 12/10/2023	49.585.000.000			2.150.000.000	1.000.000.000	2.150.000.000	1.000.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
B	Dự án khởi công mới								20.956.056.727	13.443.945.147	20.956.056.727	13.443.945.147	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh
B1	Hợp phần thứ nhất												
I	Nội dung thành phần 02												
1	Nội dung 01												
1.1	Xã An Lão								3.358.892.300	3.027.543.700	3.358.892.300	3.027.543.700	
	Nhà văn hoá Thôn Gò Đồn;HM: Tường rào,cổng ngõ,sân bê tông, bồn hoa, gia cố mái Taluy	Thôn Gò Đồn		2026	566/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	886.000.000	92.194.000	793.806.000	92.194.000	0	92.194.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Trường TH An Tân; HM: Sửa chữa dãy nhà lớp học 8 phòng	Thôn Tân An		2026	600/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	1.302.047.000	506.583.300	795.463.700	506.583.300	0	506.583.300	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Kênh mương nội đồng thôn Tân Lập - Thanh Sơn	Thôn Tân Lập - Thanh Sơn		2026	576/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	1.099.547.000	659.728.200	439.818.800	300.000.000	359.728.200	300.000.000	359.728.200	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Sửa chữa nhà làmviệc Kho bạc Nhà nước cũ	Thôn 06		2026	603/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	1.352.423.000	676.211.500	676.211.500	300.000.000	376.211.500	300.000.000	376.211.500	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Lâm viên sau UBND xã	Thôn 06		2026	670/QĐ-UBND ngày 15/5/2026	2.153.632.000	1.619.823.000	533.809.000	750.000.000	869.823.000	750.000.000	869.823.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Cải tạo Trường mầm non An Lão	Thôn 06		2026	601/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	2.254.519.000	1.671.781.000	582.738.000	600.000.000	1.071.781.000	600.000.000	1.071.781.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Gia cố mái Taluy, via hè tuyến đường dọc Trường PTDTTHCS Bán trú An Lão	Thôn Gò Bùi		2026	602/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	1.190.029.000	750.000.000	440.029.000	400.000.000	350.000.000	400.000.000	350.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Nhà văn hoá Thôn Gò Đồn;HM: Tường rào,cổng ngõ,sân bê tông, bồn hoa, gia cố mái Taluy	Thôn Gò Đồn		2026	566/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	886.000.000	410.115.000	475.885.000	410.115.000	0	410.115.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.2	Xã Chư A Thai								2.400.000.000	1.100.000.000	2.400.000.000	1.100.000.000	
	Đầu tư đường GTNT thôn Ia Chă Wầu (Đoạn 1: điểm đầu nhà ông Huấn - điểm cuối trại heo Lê Hoàng Tiến; đoạn 2: điểm đầu nhà ông Huấn, điểm cuối nhà ông Tinh)	Thôn Ia Chă Wầu	Bề rộng mặt đường Bm=5,5m; L=1,3km	2026		2.200.000.000	1.833.333.000	366.667.000	1.200.000.000	633.333.000	1.200.000.000	633.333.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Đường giao thông nội đồng cánh đồng cát tân điệp I (điểm đầu từ đường thôn tân điệp I, điểm cuối đến đường bê tông nội đồng thuộc cánh đồng Đồng xuân)	Thôn Tân Điệp I	Bề rộng mặt đường Bm=5,5m; Chiều dài hơn 1.152m:	2026		2.000.000.000	1.666.667.000	333.333.000	1.200.000.000	466.667.000	1.200.000.000	466.667.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.3	Xã Ân Tường								2.400.000.000	1.475.000.000	2.400.000.000	1.475.000.000	
	Bê tông xi măng tuyến từ nhà ông Sơn - Nghĩa địa - Bìa di tích	Thôn Xuân Sơn, xã Ân Tường	Đường BTXM 5,5m tổng chiều dài 650m	2026		2.300.000.000	1.916.667.000	383.333.000	1.200.000.000	716.667.000	1.200.000.000	716.667.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Dung - cổng Cây Me - giáp đường đắp	Thôn Hội Nhon, xã Ân Tường	Đường BTXM 3m tổng chiều dài 1.5m	2026		2.350.000.000	1.958.333.000	391.667.000	1.200.000.000	758.333.000	1.200.000.000	758.333.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.4	Xã Phú Thiện								2.000.000.000	1.087.500.000	2.000.000.000	1.087.500.000	
	Đường Ia Peng 4 (đoạn từ TL662B đến đường Ia Peng 1)	Thôn Ia Peng		2026		3.150.000.000	2.275.000.000	875.000.000	1.500.000.000	775.000.000	1.500.000.000	775.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Hệ thống thoát nước Chợ Phú Thiện, xã Phú Thiện	Xã Phú Thiện		2026		1.125.000.000	812.500.000	312.500.000	500.000.000	312.500.000	500.000.000	312.500.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.5	Xã Kim Sơn								3.200.000.000	2.220.000.000	3.200.000.000	2.220.000.000	
	Tuyến từ ĐT630 - nhà ông Lộc (Kim Sơn)	Kim sơn	0,4 km	2026		1.820.000.000	1.820.000.000	0	1.200.000.000	620.000.000	1.200.000.000	620.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Tuyến từ cầu ông Kiềm đến nhà ông Dũng (Phú Ninh)	Phú Ninh	0,8 km	2026		3.600.000.000	3.600.000.000	0	2.000.000.000	1.600.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.6	Xã Kdang								2.000.000.000	1.166.667.000	2.000.000.000	1.166.667.000	
	Đường nội đồng thôn Hà Lòng 2 xã KĐang (Từ nhà ông Vũ Văn Dũng đến nhà ông Đình Ngọc Hải)	Thôn Hà Lòng 2	Đường bê tông xi măng, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m	2026		2.000.000.000	1.666.667.000	333.333.000	1.000.000.000	666.667.000	1.000.000.000	666.667.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Đường giao thông nông thôn làng Mrah xã KĐang (Từ nhà ông Grin đến nhà ông Grut; từ nhà ông Nhin đến nhà ông Nhôm; Từ nhà ông Grê đến nhà mã	Làng Mrah	BTXM Bn=5m, Bm=3,5m. Chiều dài L=1100m	2026		1.800.000.000	1.500.000.000	300.000.000	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.7	Xã Vạn Đức								1.322.000.000	800.000.000	1.322.000.000	800.000.000	
	Nâng cấp BTXM tuyến đường vào khu di giãn dân Vĩnh Đức	Thôn Vĩnh Đức	L= 946,03m	2026	404/QĐ-UBND ngày 05/3/2026	2.311.000.000	1.000.000.000	1.311.000.000	700.000.000	300.000.000	700.000.000	300.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	Nâng cấp mở rộng đường vào đồng nhà mười đoạn còn lại	Thôn 1	L=800m	2026		2.000.000.000	1.122.000.000	878.000.000	622.000.000	500.000.000	622.000.000	500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.8	Xã Ya Hội								2.000.000.000	1.500.000.000	2.000.000.000	1.500.000.000	
1.1	Đường giao thông nông thôn trục chính làng Groi (đoạn từ cổng tràn suối Bò đến nhà rẫy ông Đình Phá)	Làng Groi, xã Ya Hội	BTXM, Bn=5m, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước, L=1,12km	2026		2.200.000.000	1.833.333.000	366.667.000	1.000.000.000	833.333.000	1.000.000.000	833.333.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh
1.2	Đường giao thông nông thôn trục chính làng Brang Đak Kliết (đoạn từ ngã 3 khu Suối đá đến đầu làng Kliết (cũ))	Làng Brang Đak Kliết, xã Ya Hội	BTXM, Bn=5m, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước, L =970m	2026		2.000.000.000	1.666.667.000	333.333.000	1.000.000.000	666.667.000	1.000.000.000	666.667.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.9	Xã An Toàn								1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	
	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ dốc ông Lắm đến thôn Nước Ron	Thôn Nước Lương	Nâng cấp, mở rộng nền mặt đường, cầu bản, hệ thống thoát	2026-2027		1.500.000.000	1.500.000.000	0	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.10	Xã Sơn Lang								1.275.164.427	567.234.447	1.275.164.427	567.234.447	
	Đường xã từ ngã tư quán cà phê Tây Nguyên đến ngã tràn Tơ Kơ (ĐX.426B)	Thôn 2, làng Tờ Kơ	L=0,45km	2026		2.150.000.000	2.030.556.000	119.444.000	1.275.164.427	567.234.447	1.275.164.427	567.234.447	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026

Ghi chú: (1) Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.
 (2) Quy mô, tổng mức đầu tư các dự án khởi công mới nêu trên chỉ ở bước ước tính sơ bộ, trong quá trình triển khai thực hiện dự án đề nghị đơn vị được giao vốn tiến hành kiểm tra thực địa, rà soát, xác định quy mô đầu tư, suất đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và nhu cầu của địa phương, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

[Chữ ký]

Phụ lục 05:

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰXXÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (TỪ NGUỒN KINH PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự toán		Kinh phí phân bổ		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
A1	Hợp phần thứ nhất				50.378.386.174	24.285.506.030	
1	Xã Ia Le				1.750.000.000	0	
	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn						
	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án chăn nuôi bò nội sinh sản	2026			1.300.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp	2026			200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			50.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
2	Xã Tơ Tung				900.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp	2026			310.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			90.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.	2026			500.000.000	0	
3	Xã Ia Băng				3.620.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp						
	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Ia Klai. Hạng mục: Duy tu, sửa chữa mặt đường	2026			800.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						

	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			40.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
4	Xã Ia Puch				0	224.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			0	194.000.000	
	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	30.000.000	
5	Xã Phú Thiện				6.500.000.000	92.494.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			4.000.000.000	0	
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án liên kết chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.500.000.000	92.494.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
6	Xã Hoài Ân				2.000.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			2.000.000.000	0	
7	Xã Phú Mỹ Bắc				310.000.000	850.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ...</i>	2026			50.000.000	0	
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn).</i>	2026			50.000.000	0	

	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm...</i>	2026			50.000.000	0	
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. ...</i>	2026			100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi....</i>	2026			20.000.000	0	
	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội						
	<i>Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở;...</i>	2026			40.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án PTSX chăn nuôi bò sinh sản, vỗ béo bò thịt chất lượng cao gắn với liên kết chuỗi cung ứng, tiêu thụ sản phẩm	2026			0	700.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	70.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			0	30.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
8	Xã Ia Krêl				2.100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương....</i>	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Hỗ trợ nhóm cộng đồng phát triển chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Hỗ trợ nhóm cộng đồng phát triển chăn nuôi lợn thương phẩm	2026			450.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
9	Xã Chư A Thai				5.000.000.000	1.100.000.000	

	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Mô hình chuỗi liên kết giá trị sản xuất chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			2.000.000.000	1.000.000.000	
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			0	100.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
10	Xã Gào				960.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn.</i>	2026			460.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
11	Xã Sơn Lang				1.064.000.000	16.000.000	
	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			24.000.000	16.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ phân bón chăm sóc cây cà phê	2026			300.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026

	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			40.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
12	Xã Phù Mỹ Nam				1.500.000.000	500.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hoá hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo;</i>	2026			1.000.000.000	500.000.000	
	Nội dung thành phần số 7: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
13	Xã Bàu Cạn				1.408.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			448.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng nhóm chăn nuôi bò sinh sản	2026			960.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
14	Xã Ia Hiao				3.975.000.000	3.070.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			785.000.000	1.300.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu;						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Dự án liên kết trong chăn nuôi Hươu sao	2026			1.200.000.000	1.770.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						

	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp	2026			110.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			100.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
15	Xã Lơ Pang				1.050.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 07: Hỗ trợ Trung tâm cung ứng nông sản	2026			1.050.000.000	0	
16	Xã Canh Vinh				150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai...	2026			100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2026			50.000.000	0	
17	Xã Chợ Long				150.000.000	40.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo;	2026			150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP	2026			0	40.000.000	
18	Xã Chư Sê				1.946.600.000	380.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	2026			200.000.000	300.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)						
	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP	2026			0	60.000.000	
	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	2026			0	20.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						

	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản	2026			1.638.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			108.600.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
19	Xã Ia Ko				200.000.000	50.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp</i>						
	Duy tu, sửa chữa đường từ trung tâm xã đi làng Mung	2026			200.000.000	50.000.000	
20	Xã Ia Rсай				2.200.000.000	200.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;</i>	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án liên kết chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	200.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
21	Xã Kon Gang				500.000.000	404.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả</i>						
	Duy tu, sửa chữa Đoạn từ Công ty Cổ phần NN CNC Hưng Sơn đi thôn Bình Giang	2026			500.000.000	404.000.000	
22	Xã Kông Bơ La				900.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 7: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu;						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.</i>	2026			300.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi bò sinh sản	2026			500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						

	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			100.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
23	Xã Mang Yang				1.350.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.</i>	2026			700.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phát triển sản xuất cộng đồng trồng chanh dây	2026			620.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			30.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
24	Phường An Phú				15.000.000	90.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			0	90.000.000	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			15.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
25	Xã Phú Mỹ Tây				0	660.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản	2026			0	500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	160.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
26	Phường Hoà Nhơn Đông				0	870.278.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi và tiêu thụ bò vỗ béo	2026			0	470.278.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	350.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
27	Xã Vĩnh Quang				0	300.000.000	

	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	300.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
28	Xã Xuân An				0	50.000.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
29	Xã Kim Sơn				0	1.526.000.000	
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án liên kết hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			0	1.400.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>						
	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	2026			0	126.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
30	Phường Hoà Nhon Bắc				0	505.500.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	380.500.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	45.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			0	80.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
31	Phường An Nhon Bắc				0	275.000.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	175.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	100.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
32	Xã An Lão				0	3.550.000.000	
	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu</i>						
	CT: Duy tu, sửa chữa tuyến kênh mương và tuyến ống đồng Bà Hàn thôn Tân An - Tân Lập)	2026			0	1.500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026

	CT: Duy tu, sửa chữa tuyến kênh mương nội đồng thôn Tân Lập - Thuận An	2026			0	800.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	CT: Duy tu, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Gò Đồn, thôn 01, 2, 3, 4, 5	2026			0	1.250.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
33	Xã An Vinh				0	3.277.488.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>						
	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ thôn 8 an trung đi thôn 5 an trung	2026			0	1.297.488.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu</i>						
	Duy tu, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Thôn 4	2026			0	1.980.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
34	Xã An Hoà				0	2.646.547.070	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>						
	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường liên thôn xã An Hòa	2026			0	1.746.547.070	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			0	600.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	300.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
35	Xã Chư Krey				263.339.100	2.171.696.187	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>						
	Duy tu, sửa chữa đường nội làng Châu	2026			0	1.023.035.287	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						

	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			101.339.100	1.148.660.900	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			92.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			70.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
36	Xã Ia Pía				2.500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo (Dự án hỗ trợ bò cái sinh sản)</i>						
	Dự án hỗ trợ bò cái sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
37	Xã Ia Púch				150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Hỗ trợ nông cụ sản xuất: máy phát cỏ, bình phun thuốc	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
38	Xã Ia Grai				429.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			429.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
39	Xã Kông Chro				90.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</i>	2026			90.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
40	Xã Dak Đoa				1.075.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			55.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			20.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
41	Xã Phú Túc				80.000.000	0	

	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
42	Xã Kbang				2.595.312.959	32.566.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			67.434.000	32.566.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa.</i>				150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án Hỗ trợ PTSX cộng đồng trồng cây cà phê, mắc ca và hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			120.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp...</i>						
	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN</i>						
	Truyền thông về chương trình NTM	2026			50.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>						
	Xây dựng mô hình thôn, làng sáng - xanh - sạch - đẹp	2026			557.878.959	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
43	Xã Dak Somei				1.110.000.000	448.153.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Hỗ trợ cây giống vật tư thực hiện dự án trồng cây cà phê xem canh cây mắc ca	2026			0	448.153.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						

	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			75.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			35.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
44	Xã Chư Pưh				1.545.000.000	260.053.100	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	230.053.100	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			0	30.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc</i>						
	Xây dựng hệ thống thủy xuất nguồn gốc và Chứng nhận VietGAP đối với cây Cà phê.	2026			145.000.000	0	
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. ...</i>						
	Xây dựng bản đồ hóa kế hoạch sản xuất, luân canh, rai vụ cây trồng theo năng lực tiêu thụ và chế biến một số loại cây trồng chính tại địa phương như cà phê, sầu riêng	2026			350.000.000	0	
	<i>Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>						
	Hỗ trợ xây dựng Tổ khuyến nông cộng đồng thực hiện các hoạt động về khuyến nông tại địa phương (Tư vấn xây dựng Kế hoạch hằng năm và triển khai thực tế cho Tổ khuyến nông cộng đồng; hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất năm mới đen, mô hình nuôi gà đẻ trứng)	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp;...</i>						
	Dự án phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn	2026			250.000.000	0	

	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường					
	Dự án xử lý ô nhiễm môi trường khu vực chăn nuôi và sản xuất nhỏ lẻ	2026		300.000.000	0	
45	Xã Ân Tường			639.643.832	104.332.386	
	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường					
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo					
	Hỗ trợ bò	2026		639.643.832	104.332.386	
46	Xã Bình Hiệp			0	200.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)					
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”;					
	Cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp	2026		0	200.000.000	
47	Xã Chư Păh			151.394.000	16.000	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM					
	Nội dung 01 - Chỉ nâng cáo chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng					
	Chỉ thi điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng, huy động người dân giám sát cộng	2026		151.394.000	16.000	
48	Xã Ayun			197.500.000	0	
	Nội dung thành phần số 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)					
	Nội dung 6: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa.	2026		160.000.000	0	
	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội					
	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, ...					
	Chi lắp đặt camera an ninh	2026		37.500.000	0	
49	Xã Nhơn Châu			0	80.000.000	
	Nội dung thành phần số 4: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững					
	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp		80.000.000		80.000.000	
50	Sở Nông nghiệp và môi trường			3.596.283	311.382.287	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường:					
	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP					
	Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030	2026		3.596.283	311.382.287	

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ lại vốn, kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách của các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ lại vốn, kinh phí thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BDT ngày tháng năm 2026 của Ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ lại vốn, kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng, với các nội dung như sau:

1. Đối với vốn, kinh phí các xã, đơn vị đã thực hiện thủ tục chuyển nguồn sang năm 2026 nhưng hiện không còn nhiệm vụ chi, đề nghị điều chỉnh sang đơn vị khác có nhu cầu sử dụng

- Đối với vốn đầu tư: **24.683.103.630 đồng**: Ưu tiên bổ sung cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình, còn thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành: **15.427.488.899 đồng**; Còn lại chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: **9.255.614.731 đồng** (*chi tiết theo Phụ lục 01*).

- Đối với kinh phí sự nghiệp: **9.329.278.830 đồng** chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (*chi tiết theo Phụ lục 02*).

2. Đối với vốn, kinh phí các đơn vị, địa phương đã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh

- Đối với vốn đầu tư: **61.479.508.350 đồng**: Ưu tiên bổ sung cho các dự án dở dang thuộc cùng chương trình, còn thiếu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành: **13.869.275.832 đồng**; Còn lại chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: **47.610.232.518 đồng** (*chi tiết theo Phụ lục 03*).

- Đối với kinh phí sự nghiệp: **114.480.512.286 đồng** chuyển sang bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (*Chi tiết theo Phụ lục 04 và Phụ lục 05*).

3. Chuyển toàn bộ vốn, kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu

quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030:

Tổng vốn, kinh phí của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã chuyển nguồn sang năm 2026 hiện không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được: **180.675.638.365 đồng**, để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (*Chi tiết theo Phụ lục 04 và Phụ lục 05*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII, Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5) thông qua và có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục 01:
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
DO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN CHUYỂN NGUỒN SANG 2026 NHƯNG HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng/ khu phố...)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư được duyệt		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025						
													Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới														0	0	0	0							
1	Danh mục giảm vốn						23.621.678.000	20.400.000.000	-2.300.600.724	-6.464.582.000	21.321.077.276	13.935.418.000	0	3.000.000.000	2.306.795.724	3.464.582.000	0	-3.000.000.000	-2.300.600.724	-3.464.582.000	0	0	6.195.000	0	
1.1	Nội dung thành phần số 02						4.980.000.000	0	-138.976.000	0	4.841.024.000	0	0	0	138.976.000	0	0	0	-138.976.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung 01																								
	Đường giao thông nội đồng thôn Plei Lók, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)						484.000.000		-54.682.000	0	429.318.000	0		54.682.000			0	0	-54.682.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường giao thông nông thôn thôn Plei Tàng, xã Ia Ake (Xã Ia Ake cũ)						570.000.000		-16.114.000	0	553.886.000	0		16.114.000			0	0	-16.114.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường giao thông thôn Đoàn Kết (Xã Ayun Ha cũ)						546.000.000		-24.891.000	0	521.109.000	0		24.891.000			0	0	-24.891.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.2	Nội dung thành phần số 03																								
	Nội dung 02																								
	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp hữu cơ Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)						2.730.000.000		-42.865.000	0	2.687.135.000	0		42.865.000			0	0	-42.865.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Mua sắm máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh cho HTX nông sản an toàn Phú Thiện (Xã Chư A Thai cũ)						650.000.000		-424.000	0	649.576.000	0		424.000			0	0	-424.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	Xã Ia Trại						4.355.778.000	0	-26.227.000	0	4.329.551.000	0	0	0	26.227.000	0	0	0	-26.227.000	0	0	0	0	0	
2.1	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Đường bê tông xi măng nội đồng thôn Oi H'Trong xã Chư Mố (Từ rẫy ông Rmah Lơi đi đường Đức Long)					1.343.000.000	1.343.000.000		-5.508.000	0	1.337.492.000	0		5.508.000			0	0	-5.508.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường cấp phối nội đồng thôn Oi H'Briu – xã Chư Mố tuyến 1 (Từ rẫy Ông Nay Giáo đến rẫy Rahlban Tr)					1.157.000.000	1.157.000.000		-7.091.000	0	1.149.909.000	0		7.091.000			0	0	-7.091.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường cấp phối nội đồng thôn Ama Lìm – xã Chư Mố (Từ rẫy Ksor Khiêm đến đường Đức Long)					505.000.000	505.000.000		-3.085.000	0	501.915.000	0		3.085.000			0	0	-3.085.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Đường cấp phối nội đồng thôn Oi H'Briu – xã Chư Mố tuyến 2 (Từ rẫy Ksor Wat đến khu To Nul)					954.000.000	954.000.000		-5.848.000	0	948.152.000	0		5.848.000			0	0	-5.848.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 02																								
	Hệ thống nắp mương công trình mương thoát nước thôn Ama Đăi, xã Chư mố (Từ nhà Oi HNha đến suối Chroth To Nung, Từ nhà Ama Trang đến nhà Yá Đê)					303.778.000	303.778.000		-3.662.000	0	300.116.000	0		3.662.000			0	0	-3.662.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Mương chống ngập úng nội thôn A Ma Đăi – xã Chư Mố tuyến 1 (từ Y tế xã đến hồ ông Mui)					93.000.000	93.000.000		-1.033.000	0	91.967.000	0		1.033.000			0	0	-1.033.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
3	Xã Dak Doa						0	10.000.000.000	0	-912.240.000	0	9.087.760.000	0	0	0	912.240.000	0	0	0	-912.240.000	0	0	0	0	0
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường liên xã Tân Bình K'Dang đi Kon Gang	Xã Dak Doa		2025			3.000.000.000	0	-149.251.000	0	2.850.749.000		149.251.000	0	0	0	-149.251.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 03																								
	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn qua địa bàn thị trấn Dak Doa xã Tân Bình xã K'dang; L=16 8km)	Xã Dak Doa		2025			7.000.000.000	0	-762.989.000	0	6.237.011.000		762.989.000	0	0	0	-762.989.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
4	Xã Kbang						568.000.000	0	-55.724	0	567.944.276	0	0	0	55.724	0	0	0	-55.724	0	0	0	0	0	
1	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 02						568.000.000		-55.724	0	567.944.276	0		55.724			-55.724		0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
5	Xã Kông Bơ La						416.000.000	0	-3.610.000	0	412.390.000	0	0	0	3.610.000	0	0	0	-3.610.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Đường từ làng Kxao qua ngãm Ba Lực	Xã Kông Bơ La	Nền, mặt BTXM và hệ thống thoát nước	Năm 2025	105/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	216.000.000	216.000.000		-1.928.000	0	214.072.000	0		1.928.000			0	0	-1.928.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung 05																								
	Nhà văn hóa thôn 1, xã Nghĩa An	Xã Kông Bơ La	Hàng rào, công sân bê tông	Năm 2025	106/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	100.000.000	100.000.000		-841.000	0	99.159.000	0		841.000			0	0	-841.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nhà văn hóa thôn 2, xã Nghĩa An	Xã Kông Bơ La	Hàng rào, công sân bê tông	Năm 2025	107/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	100.000.000	100.000.000		-841.000	0	99.159.000	0		841.000			0	0	-841.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
6	Xã Ia Sro						0	3.000.000.000	0	-3.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000	0	0	0	-3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	
1	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 05																								
	Nhà văn hóa xã Ia Rô						3.000.000.000	0	-3.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000	0	0	0	-3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
7	Xã Phú Thiện						9.100.000.000	2.600.000.000	0	-2.142.227.000	9.100.000.000	457.773.000	0	0	0	2.142.227.000	0	0	0	-2.142.227.000	0	0	0	0	0
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 03																								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng/ khu phố/...)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư được duyệt		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
													Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Điện chiếu sáng công lộ trên địa bàn huyện Phú Thiện	Xã Phú Thiện		Năm 2025	560/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	13.000.000.000	9.100.000.000	2.600.000.000	0	-2.142.227.000	9.100.000.000	457.773.000				2.142.227.000	0	0	0	-2.142.227.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
8	Xã An Lão						0	4.800.000.000	0	-410.115.000	0	4.389.885.000	0	0	0	410.115.000	0	0	0	-410.115.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Đường Gò dớn - Cây Hào	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	314.000.000		314.000.000	0	-80.237.000	0	233.763.000				80.237.000				-80.237.000	0	0	0	0	
	Nâng cấp, mở rộng đường nối bộ thôn Thuận hòa (nhà ông Năm đến khu di tích Chính Nghĩa)	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	761.000.000		761.000.000	0	-26.129.000	0	734.871.000				26.129.000				-26.129.000	0	0	0	0	
	Đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư các thôn 1, thôn 3	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	1.125.000.000		1.125.000.000	0	-65.772.000	0	1.059.228.000				65.772.000				-65.772.000	0	0	0	0	
	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1, thôn 4	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	1.000.000.000		1.000.000.000	0	-45.311.000	0	954.689.000				45.311.000				-45.311.000	0	0	0	0	
	Đường BT GTNT đoạn từ Hóp tác xã đến nhà ông Kỳ	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	900.000.000		900.000.000	0	-37.736.000	0	862.264.000				37.736.000				-37.736.000	0	0	0	0	
	Đường bê tông giao thông từ đường 5B – Nghĩa địa thôn Thanh Sơn	Xã An Lão		2025	4356/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	700.000.000		700.000.000	0	-154.930.000	0	545.070.000				154.930.000				-154.930.000	0	0	0	0	
9	Xã Cảnh Vĩnh						4.201.900.000	0	-2.131.732.000	0	2.070.168.000	0	0	0	2.137.927.000	0	0	0	-2.131.732.000	0	0	0	6.195.000	0	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Nâng cấp đường trục xã từ cầu Bình Long đến nhà văn hóa thôn Bình Long; Từ ngã ba Bình Long đến trụ sở thôn Tăng Hòa	Tăng Hòa - Bình Long		2023-2024	0	2.500.000.000	2.120.000.000		-690.040.000	0	1.429.960.000	0				694.000.000				-690.040.000	0	0	3.960.000	0	
	Sửa chữa, nâng cấp đường trục xã thôn An Long 1	Thôn An Long 1		2024	221/QĐ-UBND ngày 03/11/2024	850.000.000	392.000.000		-389.765.000	0	2.235.000	0				392.000.000				-389.765.000	0	0	2.235.000	0	
	Bê tông hóa đường từ ngã ba nhà ông Sỹ đi suối Cầu nổi dài	Thôn Thanh Minh		2024	1436/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	467.000.000	414.900.000		-30.927.000	0	383.973.000	0				30.927.000				-30.927.000	0	0	0	0	
	BTXM nối tiếp đoạn đường từ Cổng Suối Phên đến Ruộng Vỡ (Sân Cú)	Chánh Hiến	280m	2024	1007/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	378.000.000	392.000.000		-392.000.000	0	0	0				392.000.000				-392.000.000	0	0	0	0	
	Mở rộng cấp phối đường vào khu sản xuất từ nhà ông Chấn tới Gò Bông nổi dài	Thôn Thanh Minh		2024	3637/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	450.000.000	304.000.000		-50.000.000	0	254.000.000	0				50.000.000				-50.000.000	0	0	0	0	
	Bê tông đường từ nhà ông Hứa đến đất lớn (Cây Sộp Đeo) nổi dài	Thôn Chánh Hiến	483m	2025	0	645.000.000	579.000.000		-579.000.000	0	0	0				579.000.000				-579.000.000	0	0	0	0	
II	Danh mục tăng vốn						4.649.359.000	3.420.000.000	168.868.724	6.054.467.000	4.818.227.724	9.474.467.000	0	0	0	0	0	3.000.000.000	2.300.600.724	3.464.582.000	0	3.000.000.000	2.300.600.724	3.464.582.000	
1	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành						4.649.359.000	3.420.000.000	168.868.724	6.054.467.000	4.818.227.724	9.474.467.000	0	0	0	0	0	3.000.000.000	168.868.724	3.054.467.000	0	3.000.000.000	168.868.724	3.054.467.000	
1.1	Xã Cư An						0	1.920.000.000	0	178.749.000	0	2.098.749.000	0	0	0	0	0	0	0	178.749.000	0	0	0	178.749.000	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Đường từ trường TH&THCS Đỗ Trạc (cơ sở 2) đến giáp đường tránh phía bắc thị xã An Khê	Thôn An Điền Nam	L=1.900,03 m; Bn = 7,0m; Bm = 5,0m; hệ thống thoát nước	2024-2025	59/QĐ-UBND, ngày 05/6/2024	4.238.046.000		1.920.000.000	0	178.749.000	0	2.098.749.000								178.749.000	0	0	0	178.749.000	
1.2	Xã Phú Mỹ Bắc						901.219.000	0	168.868.724	733.964.276	1.070.087.724	733.964.276	0	0	0	0	0	18.000.000	168.868.724	715.964.276	0	18.000.000	168.868.724	715.964.276	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Thới thôn Vĩnh Thuận đến nhà ông Hồng Cùn Thỉnh	Thôn Vĩnh Thuận - Cùn Thỉnh			317/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1.540.815.000	395.219.000,00		150.000.000	12.748.000	545.219.000	12.748.000							150.000.000,00	12.748.000,00	0	0	150.000.000	12.748.000	
	Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến từ nhà ông Sang đến nhà ông Thanh thôn An Bảo	Thôn An Bảo			341/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.525.931.000	342.000.000,00		18.868.724	171.216.276	360.868.724	171.216.276							18.868.724,00	171.216.276,00	0	0	18.868.724	171.216.276	
	Nội dung 05																								
	Nhà văn hóa thôn An Bảo	Thôn An Bảo			224/QĐ-UBND ngày 26/08/2024	1.128.000.000	100.000.000,00		0	300.000.000	100.000.000	300.000.000						18.000.000		282.000.000,00	0	18.000.000	0	282.000.000	
	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lộc	Thôn Nghĩa Lộc			210/QĐ-UBND ngày 14/08/2024	1.130.000.000	64.000.000,00		0	250.000.000	64.000.000	250.000.000							250.000.000,00	0	0	0	250.000.000		
1.3	Xã Ân Tường						0	0	0	2.159.753.724	0	2.159.753.724	0	0	0	0	0	0	0	2.159.753.724	0	0	0	2.159.753.724	
	Nội dung thành phần số 02																								
	Nội dung 01																								
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông số 2 (thôn Liên Hội)	Thôn Liên Hội, xã Ân Tường	Nâng cấp mở rộng nền mặt đường	2023	1259/QĐ-UBND ngày 31/03/2023	6.584.286.000			0	1.552.315.724	0	1.552.315.724							1.552.315.724	0	0	0	1.552.315.724	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
	Nội dung thành phần số 06																								
	Nội dung 01																								
	Xây dựng điểm vui chơi, thể thao trẻ em và người cao tuổi	Thôn Xuân Sơn, xã Ân Tường	Xây dựng mới	2023	144/QĐ-UBND ngày 22/05/2023	999.942.000			0	607.438.000	0	607.438.000							607.438.000	0	0	0	607.438.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
1.4	Xã Kim Sơn						3.748.140.000	1.500.000.000	0	2.982.000.000	3.748.140.000	4.482.000.000	0	0	0	0	0	2.982.000.000	0	0	0	2.982.000.000	0	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng/ khu phố/...)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư được duyệt		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025			
													Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		
Nội dung thành phần số 02																										
Nội dung 01																										
	Tuyến BTXM dốc bà Tin đến Đài tưởng niệm	Thôn Nhom Sơn	L:1050 BN: 6,5m	2023	Đ-UBND 22/07	5.160.350.000	2.500.000.000		0	800.000.000	2.500.000.000	800.000.000					800.000.000			0	800.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
Nội dung 06																										
	Xây dựng mới chợ Kim Sơn	Thôn Kim Sơn	1.119,24 m	2023	Đ-UBND 09/06	3.847.171.000		1.500.000.000	0	2.000.000.000		3.500.000.000					2.000.000.000			0	2.000.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
Nội dung 11																										
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà ông Trần Cù đến công qua đường ĐT630	Thôn Kim Sơn	L: 300 m LR: 263 m	2023-2024	Đ-UBND02/10/2	1.446.757.000	1.248.140.000		0	182.000.000	1.248.140.000	182.000.000					182.000.000			0	182.000.000	0	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
2	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2030																2.131.732.000	410.115.000		0	0	2.131.732.000	410.115.000		Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04	
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững																0	0		0						
1	Danh mục giảm vốn					87.125.000.000	15.521.800.000	-3.445.324.182	-2.450.088.000	83.679.675.818	13.071.712.000	2.421.781.000	1.989.199.000	2.054.826.600	1.586.769.306	-2.421.781.000	-1.929.199.000	-2.054.826.600	-1.415.626.306		0	60.000.000	0	171.143.000		
1	Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai					18.392.000.000	0	0	0	18.392.000.000	0	0	146.676.000	0	823.008.993	0	-86.676.000	0	-773.008.993		0	60.000.000	0	50.000.000		
Dự án 4																										
Tiểu dự án 1																										
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	130 Trần Hưng Đạo		2025		7.438.906.651	6.674.000.000		0		6.674.000.000	0		0	823.008.993			-773.008.993		0	0	0	50.000.000		Hết nhiệm vụ chi	
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng học thực hành thuốc khối nhà 4 tầng, bề an toàn sinh học, các hạng mục phụ trợ khác Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Sân bê tông thoát nước Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo	130 Trần Hưng Đạo		2024-2025		13.819.169.000	11.718.000.000		0		11.718.000.000	0		146.676.000			-86.676.000			0	60.000.000	0	0		Hết nhiệm vụ chi	
2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn					0	0	0	0	0	0	0	0	1.031.283.418	156.195.313	0	0	-1.031.283.418	-35.052.313	0	0	0	0	121.143.000		
Dự án 4																										
Tiểu dự án 1																										
	Dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	Trường CD KTCNQN			725/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 ;1833/ QĐ-UBND ngày 29/5/2025					0	0		1.031.283.418	156.195.313			-1.031.283.418	-35.052.313		0	0	0	121.143.000		Hết nhiệm vụ chi	
3	Xã Đak Song					4.800.000.000	0	-247.980.182	0	4.552.019.818	0	0	0	247.980.182	0	0	0	-247.980.182	0	0	0	0	0	0		
Dự án 1																										
Tiểu dự án 1																										
	Đường nội đồng làng Tbung	Làng Tbung, xã Đak Song	Đường BTXM, Bm=3m, Bm=5 và hệ thống thoát nước	2025		1.900.000.000	1.900.000.000		-84.823.000	0	1.815.177.000	0		84.823.000			0	0	-84.823.000	0	0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Trường TH và THCS Cao Bá Quát	Làng Búa, xã Đak Song	Phòng học 6 phòng và các trang thiết bị khác	2025		2.900.000.000	2.900.000.000		-163.157.182	0	2.736.842.818	0		163.157.182			0	0	-163.157.182	0	0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
4	Xã An Lão					63.933.000.000	15.521.800.000	-3.197.344.000	-2.450.088.000	60.735.656.000	13.071.712.000	2.421.781.000	1.842.523.000	775.563.000	607.565.000	-2.421.781.000	-1.842.523.000	-775.563.000	-607.565.000	0	0	0	0			
Dự án 1																										
Tiểu dự án 1																										
	Trường THCS An Tân; Hạng mục: Xây dựng Nhà đa năng	Xã An Lão		2024-2025	1442/QĐ-UBND - 24/04/2024	6.606.000.000	2.800.000.000	1.800.000	-547.927.000	-406.000.000	2.252.073.000	-404.200.000		547.927.000	406.000.000			-547.927.000	-406.000.000		0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Kênh mương xã An Hưng năm 2025	Xã An Lão		2025	903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025	1.057.000.000	800.000.000	257.000.000	0	-201.565.000	800.000.000	55.435.000			201.565.000			-201.565.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Kiến cổ hóa kênh mương 2023-2025	Xã An Lão		2024	23/QĐ-UBND ngày 14/08/2024	2.670.896.000	3.700.000.000	384.000.000	-120.024.000	-230.000.000	3.579.976.000	154.000.000	120.024.000	230.000.000			-120.024.000	-230.000.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Cầu Sông Dinh	Xã An Lão		2.023	3098/QĐ UBND 20/8/2023	47.785.023.000	32.641.000.000	7.268.000.000	-1.748.246.000	-1.243.770.000	30.892.754.000	6.024.230.000	1.748.246.000	1.243.770.000			-1.748.246.000	-1.243.770.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Đường bao Thôn 2, thị trấn An Lão (Giai đoạn 2)	Xã An Lão		2.024	542/QĐ-UBND 6/3/2024	4.484.489.000	4.000.000.000	341.000.000	-87.717.000	-176.992.000	3.912.283.000	164.008.000	87.717.000	176.992.000			-87.717.000	-176.992.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Trường mầm non An Tân	Xã An Lão		2024	119/QĐ-SHKĐT 14/6/2024	3.385.448.000	1.550.000.000	1.386.000.000	0	-99.561.000	1.550.000.000	1.286.439.000		99.561.000				-99.561.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	KCK kênh mương thị trấn An Lão (Đồng 5%, đồng Bà Đồng, Đồng Hưng Nhom, Đồng Vồ mới)	Xã An Lão		2024	129/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	1.075.000.000		279.000.000	0	-92.200.000	0	186.800.000		92.200.000				-92.200.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi
	Đường từ thôn 2 thị trấn An Lão đi Tân An, An Tân	Xã An Lão		2023	240/QĐ-SKH&ĐT 16/12/2022	13.168.116.000	11.091.000.000	1.175.000.000	-253.775.000	0	10.837.225.000	1.175.000.000	253.775.000				-253.775.000			0	0	0	0		Hết nhiệm vụ chi	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng/ khu phố...)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư được duyệt		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025				
													Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			
	Xây dựng môi Trại y tế xã An Hưng	Xã An Lão		2024	105/QĐ-SKHDT 24/5/2024	8.233.605.000	5.571.000.000	1.430.000.000	-212.019.000	0	5.358.981.000	1.430.000.000	212.019.000				-212.019.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi		
	Xây dựng mới nhà làm việc Trại y tế thị trấn An Lão, huyện An Lão	Xã An Lão		2024	209/QĐ-SKHDT 17/10/2024	7.762.952.000	1.780.000.000	3.000.000.000	-227.636.000	0	1.552.364.000	3.000.000.000			227.636.000			-227.636.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi		
II	Danh mục tăng vốn					2.301.642.000	203.000.000		247.980.182	859.684.993	2.549.622.182	1.062.684.993	0	0	0	0	2.421.781.000	1.929.199.000	2.054.826.600	1.415.626.306	2.421.781.000	1.929.199.000	2.054.826.600	1.415.626.306			
1	Phần bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành					2.301.642.000	203.000.000		247.980.182	859.684.993	2.549.622.182	1.062.684.993	0	0	0	0	0	86.676.000	247.980.182	773.008.993	0	86.676.000	247.980.182	773.008.993			
1.1	Xã An Hòa					2.301.642.000	203.000.000		217.177.000	546.910.175	2.518.819.000	749.910.175	0	0	0	0	0	86.676.000	217.177.000	460.234.175	0	86.676.000	217.177.000	460.234.175			
	Dự án 1																										
	Tiểu dự án 1																										
	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn 2	Thôn 2	L=200m	2025	1190/QĐ-UBND 04/12/2025	528.384.000	144.423.000		38.692.000	0	183.115.000	0						38.692.000			0	0	38.692.000	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
	Sửa chữa khắc phục kênh mương do ảnh hưởng mưa bão năm 2025	An Hòa	Khắc phục, sửa chữa kênh mương bị hư hỏng do ảnh hưởng mưa bão năm 2025	2025	1451/QĐ-UBND 29/12/2025	1.344.179.000	657.219.000		178.485.000	0	835.704.000	0					178.485.000			0	0	178.485.000	0	Thanh toán khối lượng hoàn thành			
	Trường Tiểu học số 2 An Hòa, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học bộ môn	thôn Xuân Phong Bắc	Xây dựng 02 phòng học bộ môn với quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 232m2.	2025-2026	Số 90/QĐ-STC 12/3/2025	4.792.840.000	1.500.000.000	203.000.000	0	546.910.175	1.500.000.000	749.910.175					86.676.000		460.234.175		0	86.676.000	0	460.234.175	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
1.2	Xã An Vinh						0	0	30.803.182	312.774.818	30.803.182	312.774.818	0	0	0	0	0	0	30.803.182	312.774.818	0	0	30.803.182	312.774.818			
	Dự án 1																										
	Tiểu dự án 1																										
	Đường BTNT từ Hồ Đền Cạnh đến Đồng Trưa	Thôn 1 An Trung		2025	965/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	881.224.000			30.803.182	50.420.818	30.803.182	50.420.818						30.803.182	50.420.818		0	0	30.803.182	50.420.818	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT làng Đồng Lợi (Thôn 6 xã An Trung)	Thôn 6 An Trung		2025	964/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	1.051.445.000		0	11.080.000		0	11.080.000						11.080.000			0	0	0	11.080.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
	Đường BTNT từ nhà Thoắt ông Dưng	Thôn 1 An Trung		2025-2026	966/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	608.361.000		0	183.149.000		0	183.149.000						183.149.000			0	0	0	183.149.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Đồng Phê (thôn 5) qua thôn 8, xã An Trung	Thôn 5 An Trung		2025	963/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	968.125.000		0	68.125.000		0	68.125.000						68.125.000			0	0	0	68.125.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
2	Bổ trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2030																2.421.781.000	1.842.523.000	1.806.846.418	642.617.313	2.421.781.000	1.842.523.000	1.806.846.418	642.617.313	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04		
C	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																0	0	0	0							
1	Danh mục giảm vốn					61.023.955.000	35.141.000.000		-1.097.237.000	-6.936.938.000	59.926.718.000	28.204.062.000	0	1.374.592.000	1.097.237.000	9.945.778.000	0	-1.374.592.000	-1.097.237.000	-5.624.659.000	0	0	0	4.321.119.000			
1	Xã An Lão					0	279.000.000		0	-92.194.000		186.806.000	0	92.194.000	0	0	0	0	-92.194.000	0	0	0	0	0	0		
	Dự án 4																										
	Tiểu dự án 1																										
	KCK kênh mương thi trấn An Lão (Đồng 5%, đồng Bà Đồng, Đồng Hưng Nhôm, Đồng Vồ mới)	Xã An Lão		2024	129/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	1.075.000.000		279.000.000	0	-92.194.000	0	186.806.000		92.194.000			-92.194.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi		
2	Xã Lor Pang					25.010.000.000	17.032.000.000		0	-3.732.000.000	25.010.000.000	13.300.000.000	0	0	0	7.320.000.000	0	0	0	-3.732.000.000	0	0	0	3.588.000.000			
	Dự án 2																										
	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Pây, làng Dê Bo Tok, làng Dê Kôn xã Lor Pang, xã Ayun, xã Hra	làng Pây, làng Dê Bo Tok, làng Dê Kôn xã Lor Pang, xã Ayun, xã Hra		2023-2025	1997/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	45.087.000.000	25.010.000.000	17.032.000.000	0	-3.732.000.000	25.010.000.000	13.300.000.000			7.320.000.000	0		-3.732.000.000		0	0	0	3.588.000.000	Hết nhiệm vụ chi			
3	Xã Pô Tô					26.180.000.000	17.830.000.000		0	-3.112.744.000	26.180.000.000	14.717.256.000	0	1.282.398.000	0	2.563.465.000	0	-1.282.398.000	0	-1.830.346.000	0	0	0	733.119.000			
	Dự án 2																										
	Dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pô Tô	Thôn 1, xã Pô Tô	Bố trí ổn định dân cư cho 160 hộ dân	2023-2025	72/QĐ-UBND 17/7/2023	47.188.000.000	26.180.000.000	17.830.000.000	0	-3.112.744.000	26.180.000.000	14.717.256.000		1.282.398.000		2.563.465.000		-1.282.398.000		-1.830.346.000		0	0	0	733.119.000	Hết nhiệm vụ chi	
4	Xã Canh Liên					9.833.955.000	0		-1.097.237.000	0	8.736.718.000	0	0	0	1.097.237.000	62.313.000	0	0	-1.097.237.000	-62.313.000	0	0	0	0			
	Dự án 4																										
	Tiểu dự án 1																										
	Xây dựng đường bê tông xi măng từ ngã ba Hà Giao đến Ká Nâu (giai đoạn 1)	Hà Giao-Ká Nâu		2023-2024	570/QĐ-UBND, 13/3/2025	4.803.722.000	4.400.000.000		-662.237.000	0	3.737.763.000	0			662.237.000			-662.237.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng/ khu phố/...)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư được duyệt		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025		
													Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ làng Hà Giao đến làng Kon Lót, làng Chôm, làng Cát, làng Kà Bông, làng Kà Bưm, làng Kà Nâu (giai đoạn 2)	xã Canh Liên		2024-2025	2018/QĐ-UBND, 5/8/2024	5.552.679.000	5.433.955.000		-435.000.000	0	4.998.955.000	0			435.000.000				-435.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Xây dựng đường bê tông xi măng từ ngã ba Hà Giao đến Kà Nâu (giai đoạn 1)	Hà Giao-Kà Nâu		2023-2024	570/QĐ-UBND, 13/3/2025	4.803.722.000									4.000.000				-4.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Xây dựng đường bê tông xi măng từ ruộng ông Vững đến khu sản xuất suối Cút	Làng Cát		2024-2025	2496/QĐ-UBND, 15/9/2024	1.623.000.000									11.000.000				-11.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng từ làng Hà Giao đến làng Kon Lót, làng Chôm, làng Cát, làng Kà Bông, làng Kà Bưm, làng Kà Nâu (giai đoạn 2)	xã Canh Liên		2024-2025	2018/QĐ-UBND, 5/8/2024	5.552.679.000									31.650.000				-31.650.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 1																								
	Xây dựng hệ thống nước tự chảy suối Đắc Trút làng Kà Nâu	Làng Kà Nâu		2.023											15.663.000				-15.663.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
II	Danh mục tăng vốn					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.374.592.000	1.097.237.000	5.624.659.000	0	1.374.592.000	1.097.237.000	5.624.659.000	
1	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.374.592.000	1.097.237.000	5.624.659.000	0	1.374.592.000	1.097.237.000	5.624.659.000	
1.1	Xã Ia Ly					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.355.000.000	0	0	0	3.355.000.000	
	Dự án 2																								
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Díp, xã Ia Kreng	Làng Díp, xã Ia Ly		2023-2025	1143/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện Chư Păh	43.387.000.000													3.355.000.000		0	0	0	3.355.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
1.2	Xã Dak Somei					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.374.592.000	1.097.237.000	2.269.659.000	0	1.374.592.000	1.097.237.000	2.269.659.000	
	Dự án 2																								
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Hà Đông, huyện Dak Đoa	Xã Dak Somei		2024 -2026	3112/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; 538/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; 22/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	25.807.000.000											1.374.592.000	1.097.237.000	2.269.659.000	0	1.374.592.000	1.097.237.000	2.269.659.000		

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Phụ lục 02:

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
DO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN CHUYỂN NGUỒN SANG 2026 NHƯNG HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kinh phí giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kinh phí giao năm 2025		Vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025		Kinh phí giao năm 2025		
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					0	0	0	0					
1	Danh mục giảm vốn	163.413.000	16.000	2.904.619.629	233.034.000	-163.413.000	-16.000	-2.904.619.629	-233.034.000	0	0	0	0	
1.1	Xã Đê Gi	0	16.000	0	0	0	-16.000	0	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 02: Kinh phí thực hiện phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (Mã CTMT: 20492, mã DP 024)		16.000				-16.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.2	Xã An Vinh	0	0	0	43.566.000	0	0	0	-43.566.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn				43.566.000				-43.566.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.3	Sở Nội vụ	0	0	50.000.000	0	0	0	-50.000.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới			50.000.000				-50.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.4	Sở Công Thương	0	0	24.200.000	0	0	0	-24.200.000	0	0	0	0	0	
	- Nội dung 01 - NDTP số 11. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng			24.200.000				-24.200.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.5	Xã Ia Tul	132.209.000	0	22.466.000	0	-132.209.000	0	-22.466.000	0	0	0	0	0	
	ND Thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện XD NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống KT-XH NT gắn với quá trình đô thị hóa năm 2025			128.000				-128.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.									0	0	0	0	
	Sửa chữa, nâng cấp đường BTXM Bôn Biah A, xã Ia Tul (Tuyến 1: đoạn từ nghĩa địa Bôn Biah A (Bôn Blanh cũ) đi vào thôn; Tuyến 2: đoạn từ nhà Rơ ô H'Dẹp đến cuối đường)			5.448.000				-5.448.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Trường Mầm Non Hoa Mĩ, xã Ia Tul			16.890.000				-16.890.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 02-ND09: Phát triển , hoàn thiện hệ thống CS, chuyển đổi số trong NNNT năm 2024	20.000.000				-20.000.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 03-ND2: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các liên kết mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu năm 2024	100.000.000				-100.000.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh -sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam năm 2025	22.000				-22.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	NDTP số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.									0	0	0	0	
	NDTP số 11- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng năm 2024	9.187.000				-9.187.000				0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

	NDTP số 11 - Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM năm 2024	3.000.000				-3.000.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi	
1.6	<i>Xã Chư Pưh</i>	0	0	331.959	0	0	0	-331.959	0	0	0	0		
	Thành phần số 7													
	<i>Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải</i>			39.959				-39.959		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Thành phần số 1													
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn)			292.000				-292.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.7	<i>Xã Biển Hồ</i>	0	0	2.640.000.000	189.000.000	0	0	-2.640.000.000	-189.000.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở			2.640.000.000	189.000.000			-2.640.000.000	-189.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.8	<i>Tỉnh đoàn Gia Lai</i>	0	0	10.000.000	0	0	0	-10.000.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trung ương			10.000.000				-10.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.9	<i>Sở Giáo dục</i>	0	0	39.925.000	0	0	0	-39.925.000	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 08: đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở			5.699.000				-5.699.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trung ương	-	-	34.226.000				-34.226.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.10	<i>Sở Tài chính</i>	31.204.000	0	96.317.768	0	-31.204.000	0	-96.317.768	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở			70.262.768				-70.262.768		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	- Nội dung 01 - NDTP số 11. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	31.204.000		26.055.000		-31.204.000		-26.055.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.11	<i>Liên minh HTX</i>	0	0	8.977.386	0	0	0	-8.977.386	0	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn			1.189.386				-1.189.386		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 08: đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở			2.788.000				-2.788.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới, truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trung ương			5.000.000				-5.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.12	<i>Xã Chư A Thai</i>	0	0	12.401.516	468.000	0	0	-12.401.516	-468.000	0	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sang - xanh - sạch - đẹp			12.401.516	468.000			-12.401.516	-468.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	<i>Danh mục tăng vốn</i>	0	0	0	0	163.413.000	16.000	2.904.619.629	233.034.000	163.413.000	16.000	2.904.619.629	233.034.000	
2.1	<i>Bổ trí các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030</i>					163.413.000	16.000	2.904.619.629	233.034.000	163.413.000	16.000	2.904.619.629	233.034.000	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 05
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					0	0	0	0					
1	<i>Danh mục giảm vốn</i>	1.279.294.879	92.758.859	4.966.336.278	464.804.277	-1.027.045.787	-77.622.859	-4.523.723.278	-399.804.277	252.249.092	15.136.000	442.613.000	65.000.000	
1.1	<i>Phường Quy Nhơn Đông</i>	0	17.000.000	370.744.000	0	0	-1.864.000	-195.731.000	0	0	15.136.000	175.013.000	0	
	Dự án 3													
	Tiểu dự án 1													
	Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực Nông nghiệp		17.000.000				-1.864.000			0	15.136.000	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 4													
	Tiểu dự án 1													
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			370.744.000				-195.731.000		0	0	175.013.000	0	Hết nhiệm vụ chi
1.2	<i>Xã Đê Gi</i>	752	7.261.000	241.922.280	0	-752	-7.261.000	-241.922.280	0	0	0	0	0	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh , phát triển mô hình giảm nghèo (Mã CTMT: 10472, Mã DP 015)			80.090.000				-80.090.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu Dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ trong phát triển nông nghiệp (Mã CTMT: 20473, Mã DP 024)		7.261.000	0			-7.261.000	0		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu Dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ trong phát triển nông nghiệp (Mã CTMT: 10473, Mã DP 015)			10.000.000				-10.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững (Mã CTMT: 10474, Mã DP 015)			74.015.280				-74.015.280		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện CTMTQG (Mã CTMT: 10477, Mã DP 014)	752		0		-752		0		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện CTMTQG (Mã CTMT: 10477, Mã DP 015)			64.200.000				-64.200.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG (Mã CTMT: 10477, Mã DP 014)			13.617.000				-13.617.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.3	<i>Xã Hội Sơn</i>	<i>51.800</i>	<i>750.386</i>	<i>17.140.000</i>	<i>0</i>	<i>-51.800</i>	<i>-750.386</i>	<i>-17.140.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế													
	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn ngân sách trung ương	1.800		850.000		-1.800		-850.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 3									0	0	0	0	
	Tiêu dự án 1 Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách trung ương		750.386	5.060.000			-750.386	-5.060.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7									0	0	0	0	
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương	50.000		11.230.000		-50.000	0	-11.230.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.4	<i>Xã Văn Canh</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>100.000</i>	<i>400.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-100.000</i>	<i>-400.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin													
	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin			100.000				-100.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều				400.000		0	0	-400.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.5	<i>Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>142.857.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-92.857.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>50.000.000</i>	
	Dự án 4													
	Tiêu dự án 1													
	Mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, Kỹ thuật xét nghiệm Y học năm 2025				142.857.000				-92.857.000	0	0	0	50.000.000	Hết nhiệm vụ chi
1.6	<i>Sở Công Thương</i>	<i>0</i>	<i>1.200.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-1.200.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Văn phòng Sở Công Thương													
	Dự án 7													
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá		1.200.000				-1.200.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.7	<i>Xã Ia Tul</i>	<i>67.418.000</i>	<i>0</i>	<i>32.000.000</i>	<i>0</i>	<i>-67.418.000</i>	<i>0</i>	<i>-32.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Dự án 2													
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo năm 2024	20.048.000				-20.048.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo năm 2025			32.000.000		0	0	-32.000.000	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 3													
	Dự án 3: Phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng năm 2024	10.770.000				-10.770.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7													
	Dự án 7- TDA 1: Nâng cao năng lực thực hiện CT năm 2024	27.500.000				-27.500.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7- TDA2: Giám sát, đánh giá năm 2024	9.100.000				-9.100.000	0	0	0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.8	<i>Xã Biển Hồ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>7.620.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-7.620.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Kinh phí thực hiện Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			2.879.000				-2.879.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Kinh phí thực hiện Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng													
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			4.741.000		0		-4.741.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.9	<i>Xã Cửu An</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>125.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-88.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>37.000.000</i>	<i>0</i>	
	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình													
	Tập huấn giảm nghèo bền vững			67.000.000				-44.000.000		0	0	23.000.000	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá													
	Tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo			58.000.000		0		-44.000.000		0	0	14.000.000	0	Hết nhiệm vụ chi
1.10	<i>Xã Ya Hoi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>150.000.000</i>	<i>15.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>			<i>0</i>	<i>0</i>	<i>150.000.000</i>	<i>15.000.000</i>	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			150.000.000	15.000.000	0		0		0	0	150.000.000	15.000.000	Hết nhiệm vụ chi
1.11	<i>Xã Ia Rbol</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>41.800.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-31.800.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>10.000.000</i>	<i>0</i>	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình													
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			6.800.000				-6.800.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá (341-10477-015)			35.000.000				-25.000.000				10.000.000		Hết nhiệm vụ chi
1.12	<i>Sở Tài chính</i>	<i>70.073.645</i>	<i>15.500.000</i>	<i>20.000.000</i>	<i>2.000.000</i>	<i>-70.073.645</i>	<i>-15.500.000</i>	<i>-20.000.000</i>	<i>-2.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin													
	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	33.260.000	11.000.000			-33.260.000	-11.000.000		0	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình													
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	36.813.645	4.500.000	20.000.000	2.000.000	-36.813.645	-4.500.000	-20.000.000	-2.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi

1.13	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.964.180	18.600.000	20.000.000	2.000.000	-2.964.180	-18.600.000	-20.000.000	-2.000.000	0	0	0	0
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình												
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá												
	Loại 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 022		100.000				-100.000			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 023		2.500.000				-2.500.000			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 024		1.000.000				-1.000.000			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 025				2.000.000				-2.000.000	0	0	0	0
	Loại: 341 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 013	591.000				-591.000				0	0	0	0
	Loại: 341 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 015			20.000.000				-20.000.000		0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 024	2.373.180				-2.373.180				0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 024		15.000.000				-15.000.000			0	0	0	0
1.14	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn)	1.049.299.947	1.350.000	370.600.000	2.026.652	-797.050.855	-1.350.000	-300.000.000	-2.026.652	252.249.092	0	70.600.000	0
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình												
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình												
	Loại 070-Khoản 098: Mã CTMT: 10477; MDP: 012	319.306.605				-319.306.605				0	0	0	0
	Loại 340-Khoản 341: Mã CTMT: 10477; MDP: 013	441.744.250				-441.744.250				0	0	0	0
	Loại 340-Khoản 341: Mã CTMT: 10477; MDP: 014	158.000.000								122.000.000	0	0	0
	Loại 280-Khoản 338: Mã CTMT: 20477; MDP: 022		1.350.000				-1.350.000			0	0	0	0
	Loại 070-Khoản 098; Mã CTMT: 20477; MDP 025				2.026.652				-2.026.652	0	0	0	0
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá									0	0	0	0
	Loại 070-Khoản 098: Mã CTMT: 10477-MDP 015			129.500.000				-129.500.000		0	0	0	0
	Loại 340-Khoản 341: Mã CTMT: 10477; MDP: 015			80.000.000				-80.000.000		0	0	0	0
	Loại 160-Khoản 171: Mã CTMT: 10477; MDP 015			161.100.000				-90.500.000		0	0	70.600.000	0
	Loại 370-Khoản 398: Mã CTMT: 10477-MDP 014	11.600.000								11.600.000	0	0	0
	Loại 340-Khoản 341: Mã CTMT: 10477; MDP 013	71.649.092								71.649.092	0	0	0
	Loại 340-Khoản 341: Mã CTMT: 10477; MDP 014	47.000.000								47.000.000	0	0	0
1.15	Liên minh HTX tỉnh	22.500.000	3.500.000	0	0	-22.500.000	-3.500.000	0	0	0	0	0	0
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình												
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		3.500.000				-3.500.000			0	0	0	0
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	22.500.000				-22.500.000				0	0	0	0
1.16	Sở Y tế	66.986.555	20.097.473	2.914.325.545	268.140.625	-66.986.555	-20.097.473	-2.914.325.545	-268.140.625	0	0	0	0
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng												
	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng												
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật												
	Loại: 139 - Mã CTMT: 10473 - MDP: 014	19.106.480				-19.106.480				0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 10473 - MDP: 013	54.000				-54.000				0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20473 - MDP: 023		4.845.340				-4.845.340			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20473 - MDP: 024		1.454.020				-1.454.020			0	0	0	0
	Loại: 131 - Mã CTMT: 10473 - MDP: 015			2.814.333.653				-2.814.333.653		0	0	0	0
	Loại: 139 - Mã CTMT: 10473 - MDP: 015			79.331.000				-79.331.000		0	0	0	0
	Loại: 131 - Mã CTMT: 20473 - MDP: 025				223.621.347				-223.621.347	0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20473 - MDP: 025				29.976.282				-29.976.282	0	0	0	0
	Trung tâm Y tế Tuy Phước (338-10473-014)	47.801.200				-47.801.200				0	0	0	0
	Trung tâm Y tế Chư Puh (139-10473-014)	7.882				-7.882				0	0	0	0
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin												
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều												
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật												
	Loại: 171 - Mã CTMT: 20476 - MDP: 024		1.005.216				-1.005.216			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20476 - MDP: 024		1.000.000				-1.000.000			0	0	0	0
	Loại: 171 - Mã CTMT: 10476 - MDP: 015			19.718.400				-19.718.400		0	0	0	0
	Loại: 171 - Mã CTMT: 20476 - MDP: 025				2.201.600				-2.201.600	0	0	0	0
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình												
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình												
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật												
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 023		432.459				-432.459			0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 024		8.822.438				-8.822.438			0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 015			380.385				-380.385		0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 025				7.341.396				-7.341.396	0	0	0	0
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá												
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật												
	Loại: 098 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 015			562.107				-562.107		0	0	0	0
	Loại: 341 - Mã CTMT: 10477 - MDP: 014	16.993					-16.993			0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 024		9.000				-9.000			0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 024		2.529.000				-2.529.000			0	0	0	0
	Loại: 098 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 025			3.000.000					-3.000.000	0	0	0	0
	Loại: 338 - Mã CTMT: 20477 - MDP: 025			2.000.000					-2.000.000	0	0	0	0

1.17	Phường An Nhơn	0	7.500.000	12.141.000	0	0	-7.500.000	-12.141.000	0	0	0	0	0	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			12.141.000				-12.141.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Loại: 281 - Mã CTMT: 10472 - MDP: 015									0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Loại: 281 - Mã CTMT: 20472 - MDP: 024		7.500.000				-7.500.000			0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.18	Xã Ya Ma	0	0	223.213.523	12.000.000	0	0	-223.213.523	-12.000.000	0	0	0	0	
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (10471-015)			86.993.523				-86.993.523		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (10471-015)			16.220.000				-16.220.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo													
	Loại: 398 - Mã CTMT: 10475 - MDP: 015			120.000.000				-120.000.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Loại: 398 - Mã CTMT: 20475 - MDP: 025				12.000.000				-12.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.19	Xã Chư A Thai	0	0	52.430.400	0	0	0	-52.430.400	0	0	0	0	0	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			17.930.400				-17.930.400		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình									0	0	0	0	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			2.480.000				-2.480.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá			32.020.000				-32.020.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.20	Xã Chơ Long	0	0	175.960.000	0	0	0	-175.960.000	0	0	0	0	0	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn													
	Loại: 098 - Mã CTMT: 10475 - MDP: 015			175.960.000				-175.960.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
1.21	Phường Hoài Nhơn	0	0	191.339.530	20.380.000	0	0	-191.339.530	-20.380.000	0	0	0	0	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng													
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng			420.000				-420.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			320.000	2.130.000			-320.000	-2.130.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			104.690.530	11.000.000			-104.690.530	-11.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin													
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin			300.000				-300.000		0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều			28.000.000	1.000.000			-28.000.000	-1.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình													
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			56.050.000	6.000.000			-56.050.000	-6.000.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá			1.559.000	250.000			-1.559.000	-250.000	0	0	0	0	Hết nhiệm vụ chi
2	Danh mục tăng vốn	0	0	0	0	1.027.045.787	77.622.859	4.523.723.278	399.804.277	1.027.045.787	77.622.859	4.523.723.278	399.804.277	
2.1	Bổ trí các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2030					1.027.045.787	77.622.859	4.523.723.278	399.804.277	1.027.045.787	77.622.859	4.523.723.278	399.804.277	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 05

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Phụ lục 03:

**PHÂN BỐ LẠI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
DO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1910/QĐ-UBND NGÀY 29/4/2026 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ												32.961.806.833	28.517.701.517	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới												31.643.974.590	11.538.008.678	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												2.772.969.000	2.229.000.000	
1	<u>Xã Vạn Đức</u>						0	0	1.772.969.000	0	1.772.969.000	0	1.772.969.000	0	
	Nội dung thành phần số 02														
	<u>Nội dung 01</u>														
	Xây dựng mới cầu Cây Me- Vĩnh Đức	Ân Tín cũ		2023	802/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	3.900.000.000			985.000.000	0	985.000.000	0	985.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	<u>Nội dung 05</u>														
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động xã	Ân Thạnh cũ		2024	129/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	1.191.402.000			324.899.000	0	324.899.000	0	324.899.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa các nhà văn hóa thôn, thiết chế nhà văn hóa, các điểm công cộng	Ân Thạnh cũ		2024	128/QĐ-UBND ngày 30/05/2024	1.176.094.000			410.365.000	0	410.365.000	0	410.365.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
	<u>Nội dung 11</u>														
	Xây dựng bể thu gom, nhà lưu chứa chai lọ, bao gói thuốc BVTV	Ân Thạnh cũ		2024	207/QĐ-UBND ngày 21/08/2024	355.232.000			52.705.000	0	52.705.000	0	52.705.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	<u>Xã Hoài Ân</u>						1.183.000.000	0	1.000.000.000	0	2.183.000.000	0	1.000.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 02														
	<u>Nội dung 01</u>														
	Tuyến đường từ nhà Trung Lành đến thôn Phú Thuận	Thôn Phú Thuận, xã Hoài Ân		2024	QĐ 308/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024	4.384.394.000	1.183.000.000		1.000.000.000	0	2.183.000.000	0	1.000.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	<u>Xã Tây Sơn</u>						1.614.000.000	2.311.887.000	0	1.329.000.000	1.614.000.000	3.640.887.000	0	1.329.000.000	
	Nội dung thành phần số 02														
	<u>Nội dung 01</u>														
	Nâng cấp chỉnh trang đường bộ KDC	Xã Tây Sơn		2024	576/QĐ-UBND 10/9/2024	682.000.000	303.000.000		0	200.000.000	303.000.000	200.000.000		200.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn (Đoạn từ Đình Văn Dê đến Đình Mết)	Xã Tây Sơn		2025	2090/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	1.734.000.000		1.420.000.000	0	132.000.000	0	1.552.000.000		132.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	BTXM đường giao thông khu vực Sờ Nhíp và khu AB thôn Đồng Sim	Xã Tây Sơn		2023	QĐ 262/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	317.500.000		151.887.000	0	70.000.000	0	221.887.000		70.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn thôn Đồng sim	Xã Tây Sơn		2025	QĐ số 2516/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	517.944.000	309.000.000		0	97.000.000	309.000.000	97.000.000		97.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Đường từ nhà Văn Xuân Ánh đến ngã 3 Hợp tác xã nông nghiệp Bình Nghi 2	Xã Tây Sơn		2024	Số 552/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	772.000.000		340.000.000	0	135.000.000	0	475.000.000		135.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	<u>Nội dung 02</u>														

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Mương từ Ngõ Trọng đến rộc xóm Trung; HM: Kênh bê tông	Xã Tây Sơn		2024	606/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	957.000.000		200.000.000	0	268.000.000	0	468.000.000		268.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Từ Kênh mương Đại Đồng đến mương Gò Trầu; HM: Kênh bê tông	Xã Tây Sơn		2024	Số 816/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	982.000.000		200.000.000	0	93.000.000	0	293.000.000		93.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nội dung 05														
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 2	Xã Tây Sơn		2025	108/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	731.000.000	548.000.000		0	183.000.000	548.000.000	183.000.000		183.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 3, sân bê tông	Xã Tây Sơn		2025	109/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	605.000.000	454.000.000		0	151.000.000	454.000.000	151.000.000		151.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Ngõ Mây						489.400.000	0	0	900.000.000	489.400.000	900.000.000	0	900.000.000	
	Nội dung thành phần số 02														
	Nội dung 02														
	Kênh bê tông xi măng từ sông Giang - Kiến thiết	Thôn Chánh Hội	L= 258m	2024-2025	306/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của	1.021.014.000	220.000.000		0	500.000.000	220.000.000	500.000.000	0	500.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Kiên cố hóa kênh mương . Tuyến từ khâu ông Trung - đám Nghèo	Thôn Mỹ Bình	L= 372m	2025	660/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của	1.186.000.000	269.400.000		0	400.000.000	269.400.000	400.000.000	0	400.000.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030												28.871.005.590	9.309.008.678	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững												1.304.287.273	8.555.930.977	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												430.000.000	0	
1	Xã An Hòa						1.500.000.000	749.910.175	430.000.000	0	1.930.000.000	749.910.175	430.000.000	0	0
	Dự án 1														
	Tiểu dự án 1														
	Trường Tiểu học số 2 An Hòa, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học bộ môn	thôn Xuân Phong Bắc	ới quy mô 0	2025-2026	90/QĐ-STC ngày 12/3/2025	4.792.840.000	1.500.000.000	749.910.175	430.000.000	0	1.930.000.000	749.910.175	430.000.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Bố trí các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030												874.287.273	8.555.930.977	Phân bổ lại chi tiết ở Phụ lục 04
C	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												13.544.970	8.423.761.862	
I	Phân bổ lại cho các dự án dở dang thuộc Chương trình để thanh toán khối lượng hoàn thành												13.544.970	8.423.761.862	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 2021-2025		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Kế hoạch vốn phân bổ		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
1.1	<i>Xã Chư A Thai</i>						0	8.132.727.000	0	0	0	8.132.727.000	13.544.970	5.438.761.862	
	Dự án 4														
	<i>Tiểu dự án 1</i>														
	Đầu tư nâng cấp đường GTNT thôn Plei Oi, xã Ayun Hạ	Thôn Plei Oi	Tổng chiề	2025-2026	1059a/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Chư A Thai	5.528.000.000		5.280.000.000			0	5.280.000.000		5.276.306.832	
	Dự án 6														
	Tu bổ, tôn tạo di tích Plei Oi, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Plei Oi)	Thôn Plei Oi	Diện tích	2024-2025	1886/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Phú Thiện (cũ); Số 1003/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Chư A Thai	9.014.803.000		2.852.727.000			0	2.852.727.000	13.544.970	162.455.030	
1.2	<i>Xã Ia Krêl</i>						11.733.000.000	0	0	0	11.733.000.000	0	0	2.985.000.000	
	Dự án 2														
	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang	Làng Le 2	105 hộ	2023-2025	588/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	31.087.000.000	11.733.000.000				11.733.000.000	0		2.985.000.000	

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Phu lục 04:

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (TỪ NGUỒN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG CHUYÊN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ								71.565.732.508	28.962.500.000	71.565.732.508	28.962.500.000	
A	Các dự án chuyển tiếp								44.425.868.903	10.500.000.000	44.425.868.903	10.500.000.000	
A1	Hợp phần thứ nhất												
I	Nội dung thành phần 02												
1	Nội dung 12												
1.1	Xã Krong								20.273.384.600	2.000.000.000	20.273.384.600	2.000.000.000	
	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Lãng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klêch thuộc xã Krong, huyện Kbang	Làng Tăng Lãng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Klêch		2023-2025	23/QĐ- UBND ngày 14/3/2023	69.430.000.000			20.273.384.600	2.000.000.000	20.273.384.600	2.000.000.000	
1.2	Xã Đak Somei								654.484.303	0	654.484.303	0	
	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Hà Đồng, huyện Đak Đoa	Xã Đak Somei		2024 - 2026	3112/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; 538/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; 22/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	25.807.000.000			654.484.303	0	654.484.303		
1.3	Xã Ia O								3.100.000.000	2.000.000.000	3.100.000.000	2.000.000.000	
	Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới xã Ia O	xã Ia O, tỉnh Gia Lai		2022-2025	175/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	45.087.000.000			3.100.000.000	2.000.000.000	3.100.000.000	2.000.000.000	
1.4	Xã Ia Lâu								15.708.000.000	5.000.000.000	15.708.000.000	5.000.000.000	
	Dự án sắp xếp ổn định dân cư Làng Phung, Thôn Pior 1			2023-2025	Số 2246/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	70.084.000.000			15.708.000.000	5.000.000.000	15.708.000.000	5.000.000.000	
1.5	Xã Ia Krái								2.540.000.000	500.000.000	2.540.000.000	500.000.000	
	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Yom xã Ia Khai	Làng Yom, xã Ia Krái (Xã Ia Khai)		2023-2026	580/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	16.087.000.000			2.540.000.000	500.000.000	2.540.000.000	500.000.000	
1.6	Xã Ia Pia								2.150.000.000	1.000.000.000	2.150.000.000	1.000.000.000	
	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư làng Hlang Ngol, làng Ó, làng Siu, làng Doách, xã Ia Vê	Xã Ia Vê (nay là xã Ia Pia)		2023-2025	2382/QĐUBND ngày 12/10/2023	49.585.000.000			2.150.000.000	1.000.000.000	2.150.000.000	1.000.000.000	
B	Dự án khởi công mới								27.139.863.605	18.462.500.000	27.139.863.605	18.462.500.000	
B1	Hợp phần thứ nhất												
I	Nội dung thành phần 02												
1	Nội dung 01												
1.1	Xã An Lão								2.870.000.000	4.437.000.000	2.870.000.000	4.437.000.000	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
							Vốn trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác					
	Nhà văn hoá Thôn Gò Đồn;HM: Tường rào,cổng ngõ,sân bê tông, bồn hoa, gia cổ mái Taluy	Thôn Gò Đồn		2026	566/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	886.000.000	700.000.000	186.000.000	100.000.000	600.000.000	100.000.000	600.000.000	
	Trường TH An Tân; HM: Sửa chữa dãy nhà lớp học 8 phòng	Thôn Tân An		2026	600/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	1.302.047.000	1.085.000.000	217.047.000	500.000.000	585.000.000	500.000.000	585.000.000	
	Kênh mương nội đồng thôn Tân Lập - Thanh Sơn	Thôn Tân Lập - Thanh		2026	576/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	1.099.547.000	915.000.000	184.547.000	300.000.000	615.000.000	300.000.000	615.000.000	
	Nâng cấp đường nội bộ Tân An (Đoạn từ nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)	Thôn Tân An		2025-2026	1054/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	1.205.703.000	1.004.000.000	201.703.000	570.000.000	0	570.000.000		
	Đường từ nhà ông Ly - Ngã 2 nước (Giai đoạn 2)	Thôn Tân Lập		2025-2026	1058/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	1.115.411.000	929.509.000	185.902.000	0	345.000.000		345.000.000	
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn Gò Đồn	Thôn Gò Đồn		2025	649/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	994.888.000	829.073.000	165.815.000	0	104.000.000		104.000.000	
	Cải tạo Trường mầm non An Lão	Thôn 06		2026	601/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	2.254.519.000	1.860.000.000	394.519.000	600.000.000	1.260.000.000	600.000.000	1.260.000.000	
	Gia cổ mái Taluy, via hè tuyến đường dọc Trường PTDTTHCS Bán trú An Lão	Thôn Gò Bùi		2026	602/QĐ-UBND n	1.190.029.000	991.691.000	198.338.000	400.000.000	590.000.000	400.000.000	590.000.000	
	Nhà văn hoá Thôn Gò Đồn;HM: Tường rào,cổng ngõ,sân bê tông, bồn hoa, gia cổ mái Taluy	Thôn Gò Đồn		2026	566/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	886.000.000	738.333.000	147.667.000	400.000.000	338.000.000	400.000.000	338.000.000	
1.2	Xã Chư A Thai								2.400.000.000	1.000.000.000	2.400.000.000	1.000.000.000	
	Đầu tư đường GTNT thôn Ia Chă Wău (Đoạn 1: điểm đầu nhà ông Huân - điểm cuối trại heo Lê Hoàng Tiến; đoạn 2: điểm đầu nhà ông Huân, điểm cuối nhà ông Tình)	Thôn Ia Chă Wău	Bm=5,5m; L=1,3km	2026		2.200.000.000	1.800.000.000	400.000.000	1.200.000.000	600.000.000	1.200.000.000	600.000.000	
	Đường giao thông nội đồng cánh đồng cát tân điệp I (điểm đầu từ đường thôn tân điệp I, điểm cuối đến đường bê tông nội đồng thuộc cánh đồng Đông xuân)	Thôn Tân Điệp I	Bm=5,5m; Chiều dài hơn 1.152m:	2026		2.000.000.000	1.600.000.000	400.000.000	1.200.000.000	400.000.000	1.200.000.000	400.000.000	
1.3	Xã Ân Tường								2.400.000.000	1.473.000.000	2.400.000.000	1.473.000.000	
	Bê tông xi măng tuyến từ nhà ông Sơn - Nghĩa địa - Bia di tích	Thôn Xuân Sơn, xã Ân Tường	BTXM 5,5m tổng chiều dài 650m	2026		2.300.000.000	1.916.667.000	383.333.000	1.200.000.000	715.000.000	1.200.000.000	715.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
	BTXM tuyến đường từ nhà ông Dung - cổng Cây Me - giáp đường đắp	Thôn Hội Nhon, xã Ân Tường	Đường BTXM 3m tổng chiều dài 1.5m	2026		2.350.000.000	1.958.333.000	391.667.000	1.200.000.000	758.000.000	1.200.000.000	758.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.4	Xã Phú Thiện								2.000.000.000	1.087.500.000	2.000.000.000	1.087.500.000	
	Đường Ia Peng 4 (đoạn từ TL662B đến đường Ia Peng 1)	Thôn Ia Peng		2026		3.150.000.000	2.275.000.000	875.000.000	1.500.000.000	775.000.000	1.500.000.000	775.000.000	
	Hệ thống thoát nước Chợ Phú Thiện, xã Phú Thiện	Xã Phú Thiện		2026		1.125.000.000	812.500.000	312.500.000	500.000.000	312.500.000	500.000.000	312.500.000	
1.5	Xã Kim Sơn								3.200.000.000	2.220.000.000	3.200.000.000	2.220.000.000	
	Tuyến từ ĐT630 - nhà ông Lộc (Kim Sơn)	Kim sơn	0,4 km	2026		1.820.000.000	1.820.000.000	0	1.200.000.000	620.000.000	1.200.000.000	620.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh
	Tuyến từ cầu ông Kiềm đến nhà ông Dũng (Phủ Ninh)	Phủ Ninh	0,8 km	2026		3.600.000.000	3.600.000.000	0	2.000.000.000	1.600.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31 /12/2026
1.6	Xã Kdang								2.000.000.000	1.165.000.000	2.000.000.000	1.165.000.000	
	Đường nội đồng thôn Hà Lòng 2 xã KĐang (Từ nhà ông Vũ Văn Dũng đến nhà ông Đình Ngọc Hải)	Thôn Hà Lòng 2	BTXM, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m	2026		2.000.000.000	1.666.667.000	333.333.000	1.000.000.000	665.000.000	1.000.000.000	665.000.000	
	Đường giao thông nông thôn làng Mrah xã KĐang (Từ nhà ông Grin đến nhà ông Grut; từ nhà ông Nhìn đến nhà ông Nhôm; Từ nhà ông Grê đến nhà mã	Làng Mrah	BTXM Bn=5m, Bm=3,5m. Chiều dài L=1100m	2026		1.800.000.000	1.500.000.000	300.000.000	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	
1.7	Xã Vạn Đức								300.000.000	2.500.000.000	300.000.000	2.500.000.000	
	Nâng cấp BTXM tuyến đường vào khu di giãn dân Vĩnh Đức	Thôn Vĩnh Đức	L=946,03m	2026	404/QĐ-UBND ngày 05/3/2026	2.311.000.000	1.500.000.000	811.000.000	0	1.500.000.000		1.500.000.000	
	Nâng cấp mở rộng đường vào đồng nhà mười đoạn còn lại	Thôn 1	L=800m	2026		2.000.000.000	1.300.000.000	700.000.000	300.000.000	1.000.000.000	300.000.000	1.000.000.000	
1.8	Xã Ya Hội								2.000.000.000	1.495.000.000	2.000.000.000	1.495.000.000	
1.1	Đường giao thông nông thôn trục chính làng Groi (đoạn từ cổng tràn suối Bò đến nhà rẫy ông Đình Phá)	Làng Groi, xã Ya Hội	BTXM, Bn=5m, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước, L=1,12km	2026		2.200.000.000	1.833.333.000	366.667.000	1.000.000.000	830.000.000	1.000.000.000	830.000.000	
1.2	Đường giao thông nông thôn trục chính làng Brang Đak Kliết (đoạn từ ngã 3 khu Suối đá đến đầu làng Kliết (cũ))	Làng Brang Đak Kliết, xã Ya Hội	BTXM, Bn=5m, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước, L =970m	2026		2.000.000.000	1.666.667.000	333.333.000	1.000.000.000	665.000.000	1.000.000.000	665.000.000	
1.9	Xã An Toàn								1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	
	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ dốc ông Lắm đến thôn Nước Ron	Thôn Nước Lương	Nâng cấp, mở rộng nền mặt đường, cầu bần, hệ thống thoát nước,...	2026-2027		1.500.000.000	1.500.000.000	0	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	
1.10	Xã Sơn Lang								1.275.000.000	755.000.000	1.275.000.000	755.000.000	
	Đường xã từ ngã tư quán cà phê Tây Nguyên đến ngã tràn Tơ Kor (ĐX.426B)	Thôn 2, làng Tờ Kor	L=0,45km	2026		2.150.000.000	2.030.556.000	119.444.000	1.275.000.000	755.000.000	1.275.000.000	755.000.000	
1.11	Xã Vân Canh								0	1.830.000.000	0	1.830.000.000	
	Xây dựng cầu tràn Làng Kà Bưng	Làng Kà Bưng		2026		2.200.000.000	1.833.333.000	366.667.000	0	1.830.000.000		1.830.000.000	
1.12	Xã Canh Liên								2.600.000.000	0	2.600.000.000	0	
	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Von đến đường BTXM dốc Gia Co, từ trường mẫu giáo cũ đến Nhà văn hóa mới làng Cát					1.400.000.000	1.400.000.000	0	1.400.000.000	0	1.400.000.000		
	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt làng Cát, làng Kà Bông	Làng Cát, làng Kà Bông		2026-2027		12.000.000.000	12.000.000.000	0	1.200.000.000	0	1.200.000.000		
1.13	Xã Canh Vinh								1.900.000.000	0	1.900.000.000	0	
	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa đường Bê tông nông thôn các làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá	làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá		2026	964/QĐ-UBND ngày 30/06/2026	2.314.840.000	1.929.033.000	385.807.000	1.900.000.000	0	1.900.000.000		
1.14	Xã Tơ Tung								3.194.863.605	0	3.194.863.605	0	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên thôn hoặc tương đương)	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn trung ương, ngân sách tỉnh của chương trình	Ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Đường liên xã đoạn từ Quốc lộ Trường Sơn Đông qua trung tâm xã, trường THPT Anh Hùng Núp đến ranh giới xã Kông Bơ La (giai đoạn 2: Đường từ Cầu Chư Pâu đến UBND xã Tơ Tung).	xã Tơ Tung	Chiều dài L = 760m	2026		3.500.000.000	3.305.556.000	194.444.000	3.194.863.605	0	3.194.863.605		

Ghi chú: (1) Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

(2) Quy mô, tổng mức đầu tư các dự án khởi công mới nêu trên chỉ ở bước ước tính sơ bộ, trong quá trình triển khai thực hiện dự án đề nghị đơn vị được giao vốn tiến hành kiểm tra thực địa, rà soát, xác định quy mô đầu tư, suất đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và nhu cầu của địa phương, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

Phụ lục 05:

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (TỪ NGUỒN KINH PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 HẾT NHU CẦU SỬ DỤNG CHUYÊN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự toán		Kinh phí phân bổ		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt/ khái toán	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
A	Hợp phần thứ nhất				55.488.337.077	24.659.068.780	
1	Xã Ia Le				1.750.000.000	0	
	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn						
	<i>Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.</i>	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi bò nội sinh sản	2026			1.300.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</i>	2026			200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			50.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
2	Xã Tơ Tung				900.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</i>	2026			310.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			90.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.</i>	2026			500.000.000	0	
3	Xã Ia Băng				3.620.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp</i>						
	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Ia Klai. Hạng mục: Duy tu, sửa chữa mặt đường	2026			800.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						

	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	2026			40.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
4	Xã Ia Puch				0	224.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.	2026			0	194.000.000	
	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			0	30.000.000	
5	Xã Phú Thiện				6.500.000.000	92.494.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.	2026			4.000.000.000	0	
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án liên kết chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.500.000.000	92.494.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
6	Xã Hoài Ân				2.000.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.	2026			2.000.000.000	0	
7	Xã Phù Mỹ Bắc				310.000.000	850.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ...	2026			50.000.000	0	

	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn).	2026			50.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm...	2026			50.000.000	0	
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. ...	2026			100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi....	2026			20.000.000	0	
	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội						
	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở;...	2026			40.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án PTSX chăn nuôi bò sinh sản, vỗ béo bò thịt chất lượng cao gắn với liên kết chuỗi cung ứng, tiêu thụ sản phẩm	2026			0	700.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp	2026			0	70.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	2026			0	30.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
8	Xã Ia Krêl				2.100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương....	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Hỗ trợ nhóm cộng đồng phát triển chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Hỗ trợ nhóm cộng đồng phát triển chăn nuôi lợn thương phẩm	2026			450.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						

	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
9	Xã Chư A Thai				5.000.000.000	1.100.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Mô hình chuỗi liên kết giá trị sản xuất chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.	2026			2.000.000.000	1.000.000.000	
	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP	2026			0	100.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	2026			500.000.000	0	
10	Xã Gào				960.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn.	2026			460.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	2026			500.000.000	0	
11	Xã Sơn Lang				1.064.000.000	16.000.000	
	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	2026			24.000.000	16.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						

	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ phân bón chăm sóc cây cà phê	2026			300.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			40.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
12	Xã Phù Mỹ Nam				1.500.000.000	500.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hoá hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo;</i>	2026			1.000.000.000	500.000.000	
	Nội dung thành phần số 7: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
13	Xã Bàu Cạn				1.408.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			448.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng nhóm chăn nuôi bò sinh sản	2026			960.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
14	Xã Ia Hiao				3.975.000.000	3.070.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững.</i>	2026			785.000.000	1.300.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu;						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						

	Dự án chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.200.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Dự án liên kết trong chăn nuôi Hươu sao	2026			1.200.000.000	1.770.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			110.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			100.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
15	Xã Lor Pang				1.050.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 07: Hỗ trợ Trung tâm cung ứng nông sản</i>	2026			1.050.000.000	0	
16	Xã Canh Vinh				150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai...</i>	2026			100.000.000	0	
	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. ...</i>	2026			50.000.000	0	
17	Xã Chơ Long				150.000.000	40.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo;</i>	2026			150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			0	40.000.000	
18	Xã Chư Sê				1.946.600.000	380.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>	2026			200.000.000	300.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			0	60.000.000	

	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026				0	20.000.000
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản	2026			1.638.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			108.600.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
19	Xã Ia Ko				200.000.000	50.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp</i>						
	Duy tu, sửa chữa đường từ trung tâm xã đi làng Mung	2026			200.000.000	50.000.000	
20	Xã Ia Rсай				2.200.000.000	200.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;</i>	2026			200.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án liên kết chăn nuôi bò sinh sản	2026			2.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	200.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
21	Xã Kon Gang				500.000.000	404.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả</i>						
	Duy tu, sửa chữa Đoạn từ Công ty Cổ phần NN CNC Hưng Sơn đi thôn Bình Giang	2026			500.000.000	404.000.000	
22	Xã Kông Bơ La				900.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 7: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu;						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.</i>	2026			300.000.000	0	

	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án chăn nuôi bò sinh sản	2026			500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			100.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
23	Xã Mang Yang				1.350.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.</i>	2026			700.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phát triển sản xuất cộng đồng trồng chanh dây	2026			620.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			30.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
24	Phường An Phú				15.000.000	90.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			0	90.000.000	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			15.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
25	Xã Phù Mỹ Tây				0	660.000.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản	2026			0	500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	160.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
26	Phường Hoài Nhơn Đông				0	870.278.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						

	Dự án chăn nuôi và tiêu thụ bò vỗ béo	2026			0	470.278.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	350.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
27	<u>Xã Vĩnh Quang</u>				0	300.000.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	300.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
28	<u>Xã Xuân An</u>				0	50.000.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	50.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
29	<u>Xã Kim Sơn</u>				0	1.526.000.000	
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án liên kết hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			0	1.400.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>						
	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	2026			0	126.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
30	<u>Phường Hoài Nhơn Bắc</u>				0	505.500.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	380.500.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	45.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			0	80.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
31	<u>Phường An Nhơn Bắc</u>				0	275.000.000	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>	2026			0	175.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						

	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	2026			0	100.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
32	Xã An Lão				0	3.550.000.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu						
	CT: Duy tu, sửa chữa tuyến kênh mương và tuyến ống đồng Bả Hân thôn Tân An - Tân Lập)	2026			0	1.500.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	CT: Duy tu, sửa chữa tuyến kênh mương nội đồng thôn Tân Lập - Thuận An	2026			0	800.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	CT: Duy tu, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Gò Đồn, thôn 01, 2, 3, 4, 5	2026			0	1.250.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
33	Xã An Vinh				0	3.277.488.000	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo						
	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ thôn 8 an trung đi thôn 5 an trung	2026			0	1.297.488.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu						
	Duy tu, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Thôn 4	2026			0	1.980.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
34	Xã An Hòa				0	2.646.547.070	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo						
	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường liên thôn xã An Hòa	2026			0	1.746.547.070	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			0	600.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						

	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp	2026			0	300.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
35	Xã Chư Krey				263.339.100	2.171.696.187	
	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu						
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo						
	Duy tu, sửa chữa đường nội làng Châu	2026			0	1.023.035.287	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Dự án chăn nuôi bò cái sinh sản	2026			101.339.100	1.148.660.900	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp	2026			92.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	2026			70.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
36	Xã Ia Pia				2.500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo (Dự án hỗ trợ bò cái sinh sản)						
	Dự án hỗ trợ bò cái sinh sản	2026			2.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
37	Xã Ia Púch				150.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo						
	Hỗ trợ nông cụ sản xuất: máy phát cò, bình phun thuốc	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
38	Xã Ia Grai				429.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp	2026			429.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
39	Xã Kông Chro				90.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	Nội dung 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp	2026			90.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
40	Xã Đak Đoa				1.075.000.000	0	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						

	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			55.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			20.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
41	Xã Phú Túc				80.000.000	0	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			80.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
42	Xã Khang				2.595.312.959	32.566.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>	2026			67.434.000	32.566.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa.</i>				150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án Hỗ trợ PTSX cộng đồng trồng cây cà phê, mắc ca và hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.500.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			120.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp...</i>						
	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2026			150.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN</i>						
	Truyền thông về chương trình NTM	2026			50.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn						

	<i>Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>						
	Xây dựng mô hình thôn, làng sáng - xanh - sạch - đẹp	2026			557.878.959	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
43	Xã Đak Somei				1.110.000.000	448.153.000	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản	2026			1.000.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Hỗ trợ cây giống vật tư thực hiện dự án trồng cây cà phê xem canh cây mắc ca	2026			0	448.153.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			75.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			35.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
44	Xã Chư Puh				1.545.000.000	260.053.100	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			0	230.053.100	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	<i>Nội dung 2: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN</i>	2026			0	30.000.000	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc</i>						
	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và Chứng nhận VietGAP đối với cây Cà phê.	2026			145.000.000	0	
	<i>Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. ...</i>						

	Xây dựng bản đồ hóa kế hoạch sản xuất, luân canh, rải vùi cây trồng theo năng lực tiêu thụ và chế biến một số loại cây trồng chính tại địa phương như cà phê, sầu riêng	2026			350.000.000	0	
	<i>Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo</i>						
	Hỗ trợ xây dựng Tổ khuyến nông cộng đồng thực hiện các hoạt động về khuyến nông tại địa phương (Tư vấn xây dựng Kế hoạch hằng năm và triển khai thực tế cho Tổ khuyến nông cộng đồng; hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất năm mới đen, mô hình nuôi gà đẻ trứng)	2026			500.000.000	0	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp;...</i>						
	Dự án phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn	2026			250.000.000	0	
	<i>Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường</i>						
	Dự án xử lý ô nhiễm môi trường khu vực chăn nuôi và sản xuất nhỏ lẻ	2026			300.000.000	0	
45	Xã An Tường				639.643.832	104.332.386	
	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Hỗ trợ bò	2026			639.643.832	104.332.386	
46	Xã Bình Hiệp				0	200.000.000	
	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”;</i>						
	Cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp	2026			0	200.000.000	
47	Xã Chư Păh				151.394.000	16.000	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM						
	<i>Nội dung 01 - Chỉ nâng cáo chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng</i>						
	Chỉ thi điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng, huy động người dân giám sát cộng đồng	2026			151.394.000	16.000	
48	Xã Ayun				197.500.000	0	
	Nội dung thành phần số 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)						
	<i>Nội dung 6: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa.</i>	2026			160.000.000	0	
	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội						
	<i>Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, ...</i>						
	Chỉ lắp đặt camera an ninh	2026			37.500.000	0	
49	Xã Nhơn Châu				0	80.000.000	

	Nội dung thành phần số 4: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững						
	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp</i>			80.000.000		80.000.000	
50	Sở Nông nghiệp và môi trường				202.421.953	311.850.287	
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường:						
	<i>Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP</i>						
	Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030	2026			3.596.283	311.382.287	
	Nội dung thành phần số 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN						
	<i>Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm</i>	2026			198.825.670	468.000	
51	Xã Vĩnh Sơn				800.000.000	0	565/UBND-KT ngày 09/7/2026
	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng "Chăn nuôi trâu sinh sản"	2026			800.000.000	0	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
52	Xã Ân Tường				226.905.250	373.094.750	621/UBND-KT - 9/7/2026
	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Hỗ trợ bò cái giống sinh sản	2026			226.905.250	373.094.750	Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
53	Xã Ân Hào				2.284.219.983	0	652/UBND-KT - 9/7/2026
	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án nuôi bò vỗ béo	2026			1.284.219.983		Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
	Dự án cây vôi hương	2026			1.000.000.000		Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026
54	Xã Ia Tul				1.600.000.000	0	360/BC-UBND - 9/7/2026
	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường						
	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo</i>						
	Dự án hỗ trợ bò sinh sản	2026			1.600.000.000		Cam kết giải ngân 100% vốn trước ngày 31/12/2026

Ghi chú: Thời gian giải ngân nguồn vốn nêu trên trước ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6268**/BTC-PTHT
V/v trả lời các kiến nghị về
sử dụng ngân sách của các
CTMTQG giai đoạn 2021-2025
được kéo dài sang thực hiện
trong năm 2026

Hà Nội, ngày **15** tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan trung ương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Bộ Tài chính nhận được văn bản của một số cơ quan trung ương và địa phương đề nghị trả lời, hướng dẫn áp dụng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (gọi là Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội).

Để làm rõ các nội dung kiến nghị của các cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính có ý kiến trả lời như sau:

1. Về sử dụng ngân sách nhà nước của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân đến hết ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội¹

Căn cứ quy định tại điểm b² khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội và thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại Thông báo số 209/TB-VPCP ngày 24 tháng

¹ Tại khoản 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV (gọi là Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội) quy định: “Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) đến hết ngày 31/12/2026 của các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

² Tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội quy định:

“b) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của 03 chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết trong năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được quyết định điều chỉnh kinh phí, vốn từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác bảo đảm không vượt quá tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao.

Trường hợp không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, được sử dụng kinh phí, vốn còn lại để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình giai đoạn 2026 - 2030;”.

4 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ³, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước tại các cấp khẩn trương thực hiện:

a) Rà soát số liệu và khẩn trương phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực thực hiện các nghiệp vụ chuyển nguồn số kinh phí, vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của từng chương trình sang năm 2026; đồng thời, tổng hợp, báo cáo kết quả số kinh phí, vốn đã làm thủ tục chuyển nguồn, số hủy dự toán, gửi các Bộ chủ chương trình, Bộ Tài chính theo quy định.

b) Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân 100% vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước đã chuyển nguồn. Việc sử dụng ngân sách chuyển nguồn được thực hiện theo các nguyên tắc:

(1) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước đã làm thủ tục chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ, dự án đầu tư chưa hoàn thành của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, bao gồm: nội dung, hoạt động, nhiệm vụ, dự án đầu tư đang thực hiện dở dang nhưng chưa hoàn thành trong năm 2025; nội dung, hoạt động, nhiệm vụ, dự án đầu tư trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 hoặc đã phê duyệt trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của từng chương trình nhưng chưa thực hiện được trong năm 2025.

Sau khi hoàn thành mà chưa sử dụng hết kinh phí, vốn theo dự kiến, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp, theo thẩm quyền được quyết định điều chuyển số kinh phí, vốn chưa sử dụng hết sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư khác còn dở dang **của cùng chương trình** có nhu cầu bổ sung thêm kinh phí, vốn, bảo đảm **không vượt** quá tổng mức, **không làm thay đổi** cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên (tức không vượt tổng vốn đầu tư công, tổng kinh phí thường xuyên) **của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025** đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc điều chỉnh hằng năm.

(2) Trường hợp không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp được sử dụng kinh phí, vốn còn lại để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (gọi là Chương trình). Trong đó:

³ Thông báo số 209/TB-VPCP ngày 24/4/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gọi là Thông báo số 209/TB-VPCP ngày 24/4/2026 của Văn phòng Chính phủ).

- Trước khi điều chỉnh sang thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp, theo thẩm quyền chịu trách nhiệm tự xác định các nhiệm vụ chỉ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chỉ không còn đối tượng thực hiện hoặc không thực hiện trong thời hạn giải ngân theo quy định tại khoản 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội (đến hết ngày 31/12/2026).

- Nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công phải nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 của Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15) và các Nghị định quy định chi tiết.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư của Chương trình có sử dụng ngân sách nhà nước chuyển nguồn thực hiện theo các quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

(3) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh dự toán, kế hoạch ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15) và các quy định liên quan.

2. Về nguyên tắc và thẩm quyền quyết định việc sử dụng ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 đã được cấp xã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh

a) Nguyên tắc sử dụng:

Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước của từng chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 đã được cấp xã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư còn dở dang **của cùng chương trình** trên địa bàn có nhu cầu bổ sung thêm kinh phí, vốn để hoàn thành mục tiêu của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Trường hợp không có nhu cầu bổ sung kinh phí, vốn, được sử dụng ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 đã được cấp xã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh này để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

b) Thẩm quyền quyết định:

- Trường hợp việc sử dụng ngân sách của từng chương trình vẫn trong phạm vi dự toán đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: Căn cứ Điều 32, Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo thẩm quyền quyết định phương án sử dụng số ngân sách của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 đã được cấp xã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh.

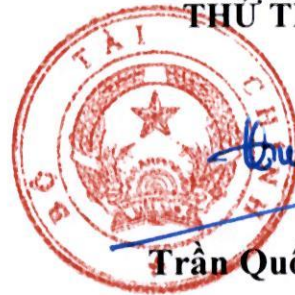
- Trường hợp việc sử dụng ngân sách của từng chương trình làm thay đổi dự toán đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: Căn cứ Điều 31, Điều 32 và Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án sử dụng số ngân sách của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 đã được cấp xã hoàn trả ngân sách cấp tỉnh.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính trả lời một số kiến nghị liên quan đến thực hiện quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội để các cơ quan trung ương, địa phương tham khảo trong tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Hồ Quốc Dũng (đề b/c);
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị: NSNN, KTN, KTDP, KBNN;
- Lưu: VT, PTHT_(D.12b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

DANH SÁCH NHẬN VĂN BẢN

I. Các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan đến sử dụng NSNN năm 2025 của CTMTQG:

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Quốc phòng
3. Bộ Công an
4. Bộ Tư pháp
5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7. Bộ Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng)
8. Bộ Y tế
9. Bộ Khoa học và Công nghệ
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo
11. Bộ Công thương
12. Bộ Xây dựng
13. Bộ Tài chính
14. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
15. Kiểm toán Nhà nước
16. Tòa án nhân dân tối cao
17. Văn phòng Quốc hội
18. Văn phòng Trung ương Đảng

19. Đài tiếng nói Việt Nam
20. Đài truyền hình Việt Nam
21. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam

Bao gồm:

- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
- Trung ương Hội nông dân Việt Nam
- Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
- Trung ương Hội cựu chiến binh
- Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi
- 22. Liên minh Hợp tác xã
- 23. Thông tấn xã Việt Nam
- 24. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

II. Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính các tỉnh/thành phố

1. Tỉnh Tuyên Quang
2. Tỉnh Cao Bằng
3. Tỉnh Lạng Sơn
4. Tỉnh Lào Cai
5. Tỉnh Thái Nguyên
6. Tỉnh Phú Thọ
7. Tỉnh Bắc Ninh
8. Tỉnh Sơn La
9. Tỉnh Lai Châu
10. Tỉnh Điện Biên
11. Thành phố Hà Nội
12. Thành phố Hải Phòng
13. Tỉnh Quảng Ninh
14. Tỉnh Hưng Yên
15. Tỉnh Ninh Bình
16. Tỉnh Thanh Hóa
17. Tỉnh Nghệ An
18. Tỉnh Hà Tĩnh
19. Tỉnh Quảng Trị
20. Thành phố Huế
21. Thành phố Đà Nẵng
22. Tỉnh Quảng Ngãi
23. Tỉnh Gia Lai
24. Tỉnh Khánh Hòa
25. Tỉnh Lâm Đồng
26. Tỉnh Đắk Lắk
27. Thành phố Hồ Chí Minh
28. Tỉnh Đồng Nai
29. Tỉnh Tây Ninh
30. Tỉnh Vĩnh Long
31. Thành phố Cần Thơ
32. Tỉnh An Giang
33. Tỉnh Đồng Tháp
34. Tỉnh Cà Mau

Số: 700 /BC-STC

Gia Lai, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại cuộc họp ngày 07/7/2026, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phân bổ lại vốn, kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng

Kính gửi: Ban Dân tộc HĐND tỉnh

Thực hiện Báo cáo số 37/BC-BDT ngày 08/7/2026 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phân bổ lại vốn, kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng, qua phối hợp với các sở, ngành liên quan, Sở Tài chính kính báo cáo Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết nêu trên, cụ thể như sau:

T T	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	Về kỹ thuật trình bày, Nghị quyết của Quốc hội có giá trị pháp lý cao hơn Nghị định của Chính phủ, đề nghị đưa Nghị quyết số 257/2025/QH15 lên trên các Nghị định trong phần căn cứ ban hành Nghị quyết để bảo đảm đúng thứ bậc hiệu lực pháp lý.	Sở Tài chính tiếp thu và đã điều chỉnh thứ tự các căn cứ ban hành Nghị quyết, bảo đảm đúng thứ bậc hiệu lực pháp lý theo nội dung góp ý

2	Tiếp tục rà soát nguồn vốn của các xã, phường không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không có khả năng triển khai thực hiện để hoàn trả về ngân sách cấp tỉnh; trên cơ sở đó, phân bổ cho các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư đang triển khai dở dang, có nhu cầu bổ sung kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, đồng thời phân bổ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính tiếp thu và đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị, địa phương, rà soát nguồn vốn, kinh phí không còn nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng triển khai thực hiện, hoàn trả về ngân sách cấp tỉnh theo đề xuất của một số cơ quan, đơn vị (Tại Phụ lục 1,2); qua đó đã bổ sung vốn, kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư dở dang, có nhu cầu bổ sung kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Tại Phụ lục 1); bổ sung thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh (Tại Phụ lục 4,5)¹.
3	Tại trang 3 Tờ trình số 952/TTr-UBND ngày 25/6/2026: tổng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã chuyển nguồn sang năm 2026 nhưng hết nhu cầu sử dụng, đề nghị chuyển sang đơn vị khác là 763.976.218 đồng; trong khi tại Phụ lục số 02 kèm theo, tổng kinh phí này là 743.976.218 đồng. Đề nghị rà soát, đối chiếu, chỉnh lý số liệu để bảo đảm thống nhất, chính xác giữa Tờ trình và phụ lục kèm theo.	Sở Tài chính tiếp thu và đã đối chiếu số liệu giữa Tờ trình và các Phụ lục kèm theo, đảm bảo số liệu thống nhất, chính xác giữa Tờ trình và các phụ lục kèm theo.
4	Xem xét, rà soát lại các danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, bảo đảm danh mục thực hiện đúng nội dung đầu tư theo quy định.	Sở Tài chính tiếp thu và đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, bảo đảm danh mục đầu tư đúng nội dung, mục tiêu, đối tượng theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5	Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết: đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua</i>” thành “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII, Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5) thông qua</i>”.	Sở Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh Điều 2 dự thảo Nghị quyết theo đúng nội dung góp ý.

¹ Văn bản các cơ quan, đơn vị: Theo phụ lục đính kèm

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Phụ lục)

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại cuộc họp ngày 07/7/2026, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phân bổ lại vốn, kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng, Sở Tài chính kính báo cáo Ban Dân tộc HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: NNMT, DTTG (p/hợp);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS, QLNS.

biết



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Việt Hưng